

**CÔNG TY CỔ PHẦN
CÔNG NGHỆ THÔNG TIN, VIỄN THÔNG
VÀ TỰ ĐỘNG HOÁ DẦU KHÍ**

Số: 136./PAIC-TCHC

V/v: Công bố Thông báo mời họp Đại hội
đồng cổ đông thường niên năm 2020

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Hà Nội, ngày 03 tháng 04 năm 2020

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

Công ty : Công ty Cổ phần Công nghệ thông tin, Viễn thông và Tự động
hóa Dầu khí

Mã chứng khoán: **PAI**

Trụ sở chính: Tầng 17, Tòa nhà ICON 4, số 243A đường Đê La Thành,
phường Láng Thượng, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

Điện thoại : 024. 37722 722, Fax: 024. 37725942

Người thực hiện công bố thông tin: Nguyễn Việt Anh

Địa chỉ : Tầng 17, Tòa nhà ICON 4, số 243A đường Đê La Thành, Láng
Thượng, Đống Đa, Hà Nội

Điện thoại : 0919790928, Fax: 024. 37725942

Nội dung thông tin công bố:

Ngày 03.. tháng 04 năm 2020, Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Công nghệ
thông tin, Viễn thông và Tự động hóa Dầu khí (PAIC) đã ban hành Thông báo mời
họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 số 135./TB-HĐQT.

Công ty CP Công nghệ thông tin, Viễn thông và Tự động hóa Dầu khí xin gửi
kèm Thông báo số 135./TB-HĐQT nêu trên đến Quý cơ quan và đăng tải trên trang
thông tin điện tử của Công ty (www.paic.pvn.vn) theo đúng quy định.

Tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu
trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VT, TCHC

**NGƯỜI CÔNG BỐ THÔNG TIN
KIỂM ĐỐC**



Nguyễn Việt Anh

Số: 435/TB-HĐQT

Hà Nội, ngày 03 tháng 04 năm 2020

**THÔNG BÁO MỜI HỌP
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2020**

Kính gửi: Quý Cổ đông Công ty Cổ phần Công nghệ thông tin,
Viễn thông và Tự động hóa Dầu khí (PAIC)

Công ty Cổ phần Công nghệ thông tin, Viễn thông và Tự động hóa Dầu khí (Mã chứng khoán PAI); Mã số doanh nghiệp 0103349508.

Địa chỉ trụ sở: Tầng 17, Tòa nhà ICON4, số 243A Đê La Thành, P.Láng Thượng, Q. Đống Đa, Hà Nội.

Website: www.paic.pvn.vn

Điện thoại: 024. 37722722; Fax: (024) 37725942

Trân trọng kính mời Quý cổ đông tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 của Công ty

1. Thời gian: Vào lúc 13h30, Thứ Tư, ngày 22/04/2020

2. Địa điểm: Phòng họp Công ty, Tầng 17, Tòa nhà ICON4, số 243A đường Đê La Thành, P.Láng Thượng, Q.Đống Đa, Hà Nội.

3. Thành phần dự họp:

- Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Giám đốc Công ty và khách mời;
- Các cổ đông sở hữu cổ phần PAIC tại thời điểm ngày 30/03/2020 được lập bởi Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam hoặc người đại diện ủy quyền hợp pháp của cổ đông.

4. Nội dung họp ĐHĐCĐ : Theo Chương trình Đại hội kèm theo

5. Đăng ký xác nhận tham dự Đại hội: Để công tác tổ chức Đại hội được chu đáo, đề nghị Quý cổ đông hoặc người được ủy quyền vui lòng xác nhận đăng ký/Ủy quyền tham dự Đại hội theo mẫu gửi kèm Thư mời này về Công ty trước 11h00 ngày 21/04/2020 qua fax, email hoặc thư báo gửi về Công ty

6. Tài liệu phục vụ Đại hội: Quý cổ đông có nhu cầu về tài liệu, xin liên hệ trực tiếp tới Công ty hoặc tra cứu trên Website của Công ty tại địa chỉ www.paic.pvn.vn.

7. Cổ đông/đại diện ủy quyền của cổ đông tham dự họp ĐHĐCĐ vui lòng mang theo bản chính CMTND/Hộ chiếu và Giấy ủy quyền (nếu là ủy quyền tham dự).

Quý cổ đông cần biết thêm thông tin liên hệ bà **Nguyễn Thị Thanh Tâm** theo số điện thoại: 0902149695 hoặc 024.37722722 (ext: 5517).

Công ty PAIC trân trọng thông báo và kính mời quý Cổ đông tham dự!

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT, BKS C.ty (đ/b);
- Giám đốc C.ty (đ/b);
- Lưu VT, HĐQT.



**CHƯƠNG TRÌNH
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2020**

- **Thời gian:** Vào lúc 13h30, Thứ Tư, ngày 22/04/2020

- **Địa điểm:** Tầng 17, Tòa nhà ICON 4, số 243A Đường Đê La Thành, Q.Đống Đa, Hà Nội.

Stt	Nội dung	Thực hiện	Thời gian dự kiến
1	Đón tiếp, kiểm tra tư cách cổ đông, lập danh sách cổ đông đến dự đại hội, phát phiếu biểu quyết.	Lễ tân, Ban kiểm tra tư cách cổ đông	13h00-13h30
2	Ôn định tổ chức, chào cờ, tuyên bố lý do và giới thiệu Đại biểu	Ban tổ chức	13h30-13h40
3	Báo cáo thẩm tra tư cách cổ đông của Ban kiểm tra tư cách cổ đông.	Ban kiểm tra tư cách cổ đông	13h40-13h45
4	- Bầu Đoàn Chủ tịch, Thư ký và Ban Kiểm phiếu - Mời Đoàn Chủ tịch và Thư ký lên làm việc	Ban tổ chức	13h45-13h50
5	Thông qua Chương trình Đại hội và Quy chế làm việc của Đại hội	Giám đốc Công ty	13h50-13h55
6	- Báo cáo tình hình hoạt động năm 2019 và phương hướng hoạt động năm 2020 của Hội đồng quản trị PAIC; - Tờ trình miễn nhiệm và bổ nhiệm thành viên HĐQT Công ty.	Chủ tịch HĐQT C.ty	13h55-14h15
7	- Báo cáo kết quả hoạt động SXKD năm 2019 và kế hoạch SXKD năm 2020 của PAIC; - Tờ trình về kết quả trả thù lao cho thành viên HĐQT/BKS không chuyên trách, Thư ký HĐQT PAIC năm 2019 và phương án chi trả năm 2020; - Tờ trình phân phối lợi nhuận năm 2019 của PAIC;	Giám đốc C.ty	14h15-14h45
8	Báo cáo tài chính năm 2019 đã kiểm toán của PAIC	Kế toán trưởng C.ty	14h45-14h55
9	<i>Báo cáo của Ban Kiểm soát Công ty:</i> - Báo cáo tình hình hoạt động năm 2019	Trưởng ban kiểm soát C.ty	14h55-15h10

	<p>và phương hướng hoạt động năm 2020 của Ban Kiểm soát PAIC;</p> <p>- Tờ trình về việc lựa chọn đơn vị kiểm toán năm 2020 của PAIC.</p>		
10	Đại hội thảo luận và giải đáp ý kiến của các cổ đông về các nội Báo cáo/Tờ trình nêu trên.		15h10-15h40
11	<p><i>Đại hội tiến hành biểu quyết thông qua các nội dung trình Đại hội:</i></p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Báo cáo tình hình hoạt động năm 2019 và phương hướng hoạt động năm 2020 của Hội đồng quản trị PAIC; 2. Tờ trình miễn nhiệm và bổ nhiệm thành viên HĐQT PAIC 3. Kết quả hoạt động SXKD năm 2019 và kế hoạch SXKD năm 2020 của PAIC; 4. Tờ trình về kết quả trả thù lao cho thành viên HĐQT/BKS không chuyên trách, Thư ký HĐQT PAIC năm 2019 và phương án chi trả năm 2020; 5. Tờ trình phân phối lợi nhuận năm 2019 của PAIC; 6. Báo cáo tài chính năm 2019 đã kiểm toán của PAIC; 7. Báo cáo tình hình hoạt động năm 2019 và phương hướng hoạt động năm 2020 của Ban Kiểm soát PAIC; 8. Tờ trình của Ban Kiểm soát về việc lựa chọn đơn vị kiểm toán năm 2020 của PAIC. 	Đoàn chủ tịch, các cổ đông	15h40-15h55
12	Thông qua Biên bản và Nghị quyết Đại hội	Đoàn Chủ tịch, Thư ký Đại hội	15h55-16h10
13	Bế mạc Đại hội	Ban tổ chức	16h10-16h15

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

GIẤY ĐĂNG KÝ/ỦY QUYỀN THAM DỰ
ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2020

Kính gửi: Ban tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020
Công ty Cổ phần CNTT, VT & TĐH Dầu khí (PAIC)

Tên cổ đông:
Địa chỉ:
Điện thoại:.....Fax.....E-mail:.....
CMTND/Hộ chiếu/Giấy ĐKKD số.....Ngày cấp.....Nơi cấp:.....
Số cổ phần sở hữu (tính đến ngày 30/03/2020):.....

Tôi đã nhận được đầy đủ thông tin về phiên họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 của Công ty, bằng văn bản này tôi:

1. Đăng ký tham dự phiên họp Đại hội đồng cổ đông

☐

2. Ủy quyền cho:

☐

Tên cá nhân/tổ chức:.....
CMTND/Hộ chiếu/Giấy ĐKKD số.....Ngày cấp.....Nơi cấp:.....
Địa chỉ:.....
Điện thoại:.....Fax.....E-mail:.....

3. Nội dung ủy quyền:

Thay mặt tôi tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 của Công ty Cổ phần Công nghệ thông tin, Viễn thông và Tự động hóa Dầu khí để biểu quyết các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông với số phiếu biểu quyết tương ứng với số cổ phần đại diện.

Tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về những hoạt động của người được ủy quyền trong Đại hội khi đại diện cho số cổ phần do tôi ủy quyền.

Ghi chú: Giấy ủy quyền này sẽ hết giá trị khi buổi tổ chức Đại hội cổ đông thường niên năm 2020 của PAIC kết thúc. Người được ủy quyền không được ủy quyền lại cho người khác.

Người nhận ủy quyền
(Ký, ghi rõ họ tên)

....., ngày tháng năm 2020
Cổ đông
(Ký và viết rõ họ tên, đóng dấu nếu là tổ chức)





**CÔNG TY CỔ PHẦN
CÔNG NGHỆ THÔNG TIN VIỄN THÔNG
VÀ TỰ ĐỘNG HÓA DẦU KHÍ**

**TÀI LIỆU
HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
THƯỜNG NIÊN NĂM 2020**

Hà Nội, ngày tháng 04 năm 2020

DANH MỤC TÀI LIỆU
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN
NĂM 2020 CÔNG TY PAIC

1. Chương trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020;
2. Quy chế làm việc Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020;
3. Báo cáo tình hình hoạt động năm 2019 và phương hướng hoạt động năm 2020 của Hội đồng quản trị Công ty;
4. Tờ trình miễn nhiệm và bổ nhiệm thành viên HĐQT Công ty theo đề nghị của Công ty Cổ phần Chứng khoán Dầu khí;
5. Báo cáo kết quả hoạt động SXKD năm 2019 và kế hoạch SXKD năm 2020 của Giám đốc Công ty;
6. Tờ trình của Giám đốc Công ty về kết quả trả thù lao đối với thành viên HĐQT/BKS không chuyên trách, Thư ký HĐQT năm 2019 và phương án trả thù lao cho thành viên HĐQT/BKS không chuyên trách, Thư ký HĐQT năm 2020;
7. Tờ trình của Giám đốc Công ty về phương án phân phối lợi nhuận năm 2019 của Công ty;
8. Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2019 của Công ty;
9. Báo cáo tình hình hoạt động năm 2019 và phương hướng hoạt động năm 2020 của Ban Kiểm soát Công ty;
10. Tờ trình của Ban kiểm soát Công ty về việc lựa chọn đơn vị kiểm toán năm 2020 của Công ty.
11. Dự thảo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020.

**CHƯƠNG TRÌNH
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2020**

- **Thời gian:** Vào lúc 13h30, Thứ Tư, ngày 22/04/2020
- **Địa điểm:** Tầng 17, Tòa nhà ICON 4, số 243A Đường Đê La Thành, Q.Đống Đa, Hà Nội.

Stt	Nội dung	Thực hiện	Thời gian dự kiến
1	Đón tiếp, kiểm tra tư cách cổ đông, lập danh sách cổ đông đến dự đại hội, phát phiếu biểu quyết.	Lễ tân, Ban kiểm tra tư cách cổ đông	13h00-13h30
2	Ôn định tổ chức, chào cờ, tuyên bố lý do và giới thiệu Đại biểu	Ban tổ chức	13h30-13h40
3	Báo cáo thẩm tra tư cách cổ đông của Ban kiểm tra tư cách cổ đông.	Ban kiểm tra tư cách cổ đông	13h40-13h45
4	- Bầu Đoàn Chủ tịch, Thư ký và Ban Kiểm phiếu - Mời Đoàn Chủ tịch và Thư ký lên làm việc	Ban tổ chức	13h45-13h50
5	Thông qua Chương trình Đại hội và Quy chế làm việc của Đại hội	Giám đốc Công ty	13h50-13h55
6	- Báo cáo tình hình hoạt động năm 2019 và phương hướng hoạt động năm 2020 của Hội đồng quản trị PAIC; - Tờ trình miễn nhiệm và bổ nhiệm thành viên HĐQT Công ty.	Chủ tịch HĐQT C.ty	13h55-14h15
7	- Báo cáo kết quả hoạt động SXKD năm 2019 và kế hoạch SXKD năm 2020 của PAIC; - Tờ trình về kết quả trả thù lao cho thành viên HĐQT/BKS không chuyên trách, Thư ký HĐQT PAIC năm 2019 và phương án chi trả năm 2020; - Tờ trình phân phối lợi nhuận năm 2019 của PAIC;	Giám đốc C.ty	14h15-14h45
8	Báo cáo tài chính năm 2019 đã kiểm toán của PAIC	Kế toán trưởng C.ty	14h45-14h55
9	<i>Báo cáo của Ban Kiểm soát Công ty:</i> - Báo cáo tình hình hoạt động năm 2019	Trưởng ban kiểm soát C.ty	14h55-15h10

	<p>và phương hướng hoạt động năm 2020 của Ban Kiểm soát PAIC;</p> <p>- Tờ trình về việc lựa chọn đơn vị kiểm toán năm 2020 của PAIC.</p>		
10	Đại hội thảo luận và giải đáp ý kiến của các cổ đông về các nội Báo cáo/Tờ trình nêu trên.		15h10-15h40
11	<p><i>Đại hội tiến hành biểu quyết thông qua các nội dung trình Đại hội:</i></p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Báo cáo tình hình hoạt động năm 2019 và phương hướng hoạt động năm 2020 của Hội đồng quản trị PAIC; 2. Tờ trình miễn nhiệm và bổ nhiệm thành viên HĐQT PAIC 3. Kết quả hoạt động SXKD năm 2019 và kế hoạch SXKD năm 2020 của PAIC; 4. Tờ trình về kết quả trả thù lao cho thành viên HĐQT/BKS không chuyên trách, Thư ký HĐQT PAIC năm 2019 và phương án chi trả năm 2020; 5. Tờ trình phân phối lợi nhuận năm 2019 của PAIC; 6. Báo cáo tài chính năm 2019 đã kiểm toán của PAIC; 7. Báo cáo tình hình hoạt động năm 2019 và phương hướng hoạt động năm 2020 của Ban Kiểm soát PAIC; 8. Tờ trình của Ban Kiểm soát về việc lựa chọn đơn vị kiểm toán năm 2020 của PAIC. 	Đoàn chủ tịch, các cổ đông	15h40-15h55
12	Thông qua Biên bản và Nghị quyết Đại hội	Đoàn Chủ tịch, Thư ký Đại hội	15h55-16h10
13	Bế mạc Đại hội	Ban tổ chức	16h10-16h15

**QUY CHẾ LÀM VIỆC
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2020**

Căn cứ Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Công nghệ thông tin, Viễn thông và Tự động hoá Dầu khí;

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 của Công ty cổ phần Công nghệ thông tin, Viễn thông và Tự động hóa dầu khí (PAIC) quy định Quy chế làm việc tại Đại hội như sau:

Điều 1. Mục tiêu

- Đảm bảo nguyên tắc, công khai, công bằng và dân chủ;
- Tạo điều kiện thuận lợi cho công tác tổ chức và tiến hành Đại hội đồng cổ đông;
- Quy định việc điều hành, trách nhiệm của Đoàn Chủ tịch, Thư ký, Ban kiểm phiếu nhằm đảm bảo thực hiện quyền của cổ đông và quyết định của Đại hội đạt kết quả cao nhất.

Điều 2. Nhiệm vụ của Đoàn Chủ tịch:

- Điều hành các hoạt động của Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty theo chương trình dự kiến của HĐQT đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua;
- Hướng dẫn các đại biểu và Đại hội thảo luận;
- Trình dự thảo, kết luận những vấn đề cần thiết để Đại hội biểu quyết;
- Trả lời những vấn đề do Đại hội yêu cầu.

Điều 3. Đoàn Chủ tịch làm việc theo nguyên tắc tập trung dân chủ, quyết định theo đa số.

Điều 4. Thư ký Đại hội: Chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông về nhiệm vụ của mình, cụ thể:

- Ghi chép đầy đủ trung thực các nội dung Đại hội;
- Hỗ trợ Đoàn Chủ tịch công bố dự thảo các văn kiện, kết luận, nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và thông báo cho Đoàn Chủ tịch gửi đến các cổ đông khi có yêu cầu;
- Tiếp nhận phiếu đăng ký phát biểu của các cổ đông.

Điều 5. Ban kiểm phiếu của Đại hội do ĐHĐCĐ biểu quyết thông qua và có nhiệm vụ như sau:

- Kiểm phiếu, tổng hợp kết quả biểu quyết các vấn đề trình Đại hội;
- Lập Biên bản kiểm phiếu và bàn giao Biên bản kiểm phiếu cho Đoàn Chủ tịch Đại hội.

Điều 6. Cổ đông tham dự Đại hội đồng cổ đông:

- Tất cả cổ đông có sở hữu cổ phần đến ngày 30/03/2020 đều có quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020.

- Các đại biểu, cổ đông, người đại diện theo ủy quyền tham dự Đại hội có mặt đúng thời gian quy định và làm thủ tục đăng ký với Ban tổ chức Đại hội.

- Trong thời gian diễn ra Đại hội, các cổ đông phải tuân thủ theo sự hướng dẫn của Đoàn Chủ tịch, ứng xử văn minh, lịch sự, không gây mất trật tự.

- Người được ủy quyền tham dự Đại hội không ủy quyền lại cho người khác tham dự Đại hội.

Điều 7. Phát biểu ý kiến trong Đại hội:

Cổ đông đăng ký nội dung phát biểu với Đoàn Chủ tịch (qua Thư ký Đại hội), khi phát biểu hoặc cần tranh luận thì giơ tay, chỉ khi được Đoàn Chủ tịch nhất trí mới được phát biểu. Mỗi cổ đông phát biểu không quá 10 phút, nội dung cần ngắn gọn, tránh trùng lặp.

Điều 8. Biểu quyết các vấn đề trình Đại hội.

- Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền biểu quyết các vấn đề tại Đại hội bằng phiếu biểu quyết.

- Các cổ đông, đại diện cho nhóm cổ đông có quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông đều có quyền biểu quyết các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông, quyền biểu quyết với số cổ phần sở hữu và số cổ phần được ủy quyền.

Điều 9. Cổ đông, Người đại diện theo ủy quyền tham dự họp Đại hội phải chấp hành nghiêm quy chế làm việc của Đại hội đồng cổ đông, cổ đông vi phạm quy chế thì tùy theo mức độ cụ thể Đoàn Chủ tịch sẽ xem xét và có hình thức xử lý theo điểm b, khoản 7, điều 142 Luật doanh nghiệp.

Trên đây là Quy chế làm việc của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 của Công ty Cổ phần Công nghệ thông tin, Viễn thông và Tự động hóa Dầu khí.

Quy chế này có hiệu lực ngay sau khi được Đại hội đồng cổ đông Công ty biểu quyết thông qua.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông Công ty xem xét thông qua để việc tổ chức Đại hội đồng cổ đông được thực hiện thành công tốt đẹp và tuân thủ theo các quy định của pháp luật Nhà nước và Điều lệ Công ty.

BAN TỔ CHỨC ĐẠI HỘI

Hà Nội, ngày 31...tháng 03 năm 2020

BÁO CÁO

Tình hình hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty năm 2019 và định hướng hoạt động năm 2020

Kính thưa các Quý vị cổ đông!

Hội đồng quản trị Công ty trân trọng báo cáo với Đại hội đồng cổ đông Công ty về các hoạt động của HĐQT, tình hình hoạt động của Công ty PAIC trong năm 2019 và kế hoạch hoạt động năm 2020, gồm nội dung sau:

I. BÁO CÁO TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG NĂM 2019:

1. Nhân sự Hội đồng quản trị:

Năm 2019, Hội đồng quản trị Công ty có một số sự thay đổi về nhân sự, cụ thể như sau:

- Đầu năm 2019, nhân sự HĐQT Công ty bao gồm 6 thành viên như sau:

Stt	Họ và tên	Chức danh	Tỷ lệ đại diện vốn góp
1	Bà Đỗ Thị Bích Hà	Chủ tịch HĐQT không chuyên trách	26,85% vốn góp của Petechim
2	Ông Nguyễn Quang Trung	Thành viên HĐQT không chuyên trách	25% vốn góp của Petechim
3	Ông Nguyễn Việt Anh	Thành viên HĐQT kiêm giám đốc Công ty	0%
4	Ông Vũ Quang Dũng	Thành viên HĐQT không chuyên trách	11,90% vốn góp của PVPS
5	Bà Lê Ngọc Diệp	Thành viên HĐQT không chuyên trách	13,60 % vốn góp của SCIC
6	Ông Nguyễn Xuân Hưng	Thành viên Hội đồng quản trị không chuyên trách	11,85 % vốn góp của PSI

- Tuy nhiên, tại Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 22 tháng 04 năm 2019 của Công ty, Đại hội đồng cổ đông Công ty đã thống nhất thông qua việc miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát công ty nhiệm kỳ II (2014-2019) và kết quả bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát nhiệm kỳ III (2019-2024).

Như vậy, kể từ ngày 22/04/2019 đến nay nhân sự Hội đồng quản trị Công ty bao gồm 06 thành viên như sau:

Stt	Họ và tên	Chức danh	Tỷ lệ đại diện vốn góp
1	Bà Đỗ Thị Bích Hà	Chủ tịch HĐQT không chuyên trách	26,85% vốn góp của Petechim
2	Ông Vũ Quốc Anh	Thành viên HĐQT không	0%

		chuyên trách	
3	Ông Nguyễn Việt Anh	Thành viên HĐQT kiêm giám đốc Công ty	0%
4	Ông Phạm Hùng Anh	Thành viên HĐQT không chuyên trách	11,90% vốn góp của PVPS
5	Bà Lê Ngọc Diệp	Thành viên HĐQT không chuyên trách	13,60 % vốn góp của SCIC
6	Ông Nguyễn Xuân Hưng	Thành viên Hội đồng quản trị không chuyên trách	11,85 % vốn góp của PSI

* Ông Nguyễn Quang Trung vẫn là người đại diện 25% vốn góp của Petechim tại PAIC.

2. Hoạt động của HĐQT trong năm 2019:

Thực hiện chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của HĐQT trong việc lãnh đạo, quản lý, điều hành theo Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty để thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. HĐQT Công ty PAIC báo cáo Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 kết quả lãnh đạo, chỉ đạo, giám sát các mặt hoạt động của HĐQT Công ty trong năm 2019 như sau:

2.1. Các cuộc họp của HĐQT : Trong năm 2019, HĐQT Công ty tổ chức 04 cuộc họp vào các ngày (21/03/2018, 22/04/2019; 16/09/2019, 29/10/2019).

St t	Họ và tên	Chức vụ	Số buổi tham dự	Tỷ lệ	Ghi chú
1	Ông Nguyễn Quang Trung	Thành viên HĐQT	1/1	100%	Thôi giữ chức thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2019-2024 Công ty PAIC theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 147/NQ-PAIC-ĐHĐCĐ ngày 22.04/2019
2	Ông Vũ Quang Dũng	Thành viên HĐQT	1/1	100%	Thôi giữ chức thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2019-2024 Công ty PAIC theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 147/NQ-PAIC-ĐHĐCĐ ngày 22.04/2019
3	Bà Đỗ Thị Bích Hà	Chủ tịch	4/4	100%	
4	Ông Nguyễn Việt Anh	Ủy viên kiêm GD	4/4	100%	

		Công ty			
5	Ông Vũ Quốc Anh	Ủy viên	3/3	80%	Giữ chức thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2019-2024 Công ty PAIC theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 147/NQ-PAIC-ĐHĐCĐ ngày 22.04/2019
6	Bà Lê Ngọc Diệp	Ủy viên	3/4	75%	
7	Ông Phạm Hùng Anh	Ủy viên	2/3	67%	Giữ chức thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2019-2024 Công ty PAIC theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 147/NQ-PAIC-ĐHĐCĐ ngày 22.04/2019
8	Ông Nguyễn Xuân Hưng	Ủy viên	3/4	75%	

- Các lần lấy ý kiến đề thông qua Nghị quyết/Quyết định của HĐQT là: 6 lần.

2.2. Công tác quản lý, điều hành và thực hiện Điều lệ của Công ty:

- Trong năm 2019 để tổ chức, quản lý và giám sát công tác điều hành của Giám đốc Công ty, Hội đồng quản trị đã tổ chức 04 cuộc họp theo định kỳ. Ngoài ra, theo yêu cầu công việc và để quyết định những vấn đề thuộc thẩm quyền, HĐQT đã tổ chức xin ý kiến các thành viên HĐQT thông qua văn bản (nghị quyết, quyết định). Các cuộc họp hay xin ý kiến của HĐQT đều có đầy đủ thành viên HĐQT hoặc đại diện ủy quyền, Trưởng ban kiểm soát Công ty tham dự.

- HĐQT phối hợp với Ban Kiểm soát Công ty, thường xuyên đánh giá tình hình hoạt động, tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty, việc thực hiện Điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, từ đó có biện pháp chỉ đạo kịp thời;

- Trong năm 2019, Hội đồng quản trị đã phê duyệt các Nghị quyết/Quyết định để chỉ đạo hoạt SXKD của Công ty cũng như phê duyệt các nội dung chỉ đạo công tác SXKD theo thẩm quyền theo đề nghị của Giám đốc Công ty, cụ thể như sau:

Stt	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày phát hành	Nội dung
1	Quyết định 70/QĐ-PAIC	31/01/2019	Về việc nâng bậc lương chức danh cho Ông Nguyễn Việt Anh
2	Quyết định số 71/QĐ-HĐQT	31/01/2019	Về việc nâng bậc lương chức danh cho Ông Vũ Trường Quang
3	Quyết định số	31/01/2019	Về việc nâng bậc lương chức danh cho

	72/QĐ-HĐQT			Ông Đào Việt Phương
4	Quyết định số 73/QĐ-HĐQT	31/01/2019		Về việc nâng bậc lương chức danh cho bà Nguyễn Ngọc Lan
5	Quyết định số 87/QĐ-HĐQT	05/03/2019		Về việc Phê duyệt quyết toán quỹ tiền lương năm 2018 của Công ty PAIC
6	Nghị quyết số 89/NQ-HĐQT	08/03/2019		Về việc thông qua thời gian, địa điểm, nội dung và ngày đăng ký cuối cùng chốt danh sách cổ đông tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 của Công ty
7	Nghị quyết số 116/NQ-HĐQT	22/03/2019		Thông qua các nội dung được kết luận tại cuộc họp HĐQT thường kỳ lần 1 năm 2019
8	Quyết định số 141/QĐ-HĐQT	17/04/2019		Về việc thành lập Ban kiểm tra tư cách cổ đông tham dự Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2019 của Công ty PAIC
9	Nghị quyết số 147/NQ-PAIC-ĐHDCĐ	22/4/2019		Nghị quyết đại hội cổ đông thường niên năm 2019 của Công ty PAIC
10	Quyết định 150/QĐ-HĐQT	22/04/2019		Về việc bổ nhiệm Bà Đỗ Thị Bích Hà giữ chức vụ Chủ tịch Hội đồng quản trị không chuyên trách
11	Nghị quyết 185/NQ-HĐQT	28/05/2019		Về việc chấp thuận cho Giám đốc Công ty lựa chọn đơn vị tư vấn pháp lý khởi kiện Công ty Cổ phần Xi măng Công Thanh
12	Nghị quyết số 273/NQ-HĐQT	16/09/2019		Về việc thông qua các nội dung được kết luận tại cuộc họp HĐQT thường kỳ lần 2 năm 2019
13	Quyết định số 279/QĐ-HĐQT	20/9/2019		Về việc tái bổ nhiệm cán bộ
14	Quyết định số 314/NQ-HĐQT	30/10/2019		Thông qua các nội dung được kết luận tại cuộc họp HĐQT lần 03 năm 2019
15	Nghị quyết số 315/NQ-PAIC	30/10/2019		Về việc chi trả cổ tức bằng tiền năm 2018 cho cổ đông Công ty PAIC
16	Nghị quyết số 337/NQ-HĐQT	14/11/2019		Về việc thông qua chủ trương đầu tư mua sản văn phòng để làm trụ sở làm việc thay cho phương án thuê văn phòng hiện tại của Công ty PAIC
17	Nghị quyết số 380/NQ-HĐQT	16/12/2019		Về việc đầu tư mua sản văn phòng tại Dự án chung cư C1 Thành Công để làm trụ sở làm việc thay cho phương án thuê văn phòng hiện tại của PAIC

3. Công tác chỉ đạo hoàn thành các chỉ tiêu SXKD.

Ngay từ những tháng đầu năm 2019, HĐQT đã ý thức sâu sắc về trọng trách chỉ đạo định hướng trong công tác quản trị Công ty, đồng thời HĐQT đã phối hợp chặt chẽ với Ban Kiểm soát luôn bám sát và chỉ đạo Ban điều hành đẩy mạnh các hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ và đầu tư nhằm thực hiện các mục tiêu hoạt động kinh doanh của Công ty PAIC năm 2019 được ĐHĐCĐ giao, HĐQT đã họp 4 phiên định kỳ để xem xét, đánh giá tình hình thực hiện SXKD của Công ty để từ đó Hội đồng quản trị có những chỉ đạo định hướng, cảnh báo kịp thời trong công tác quản trị Công ty đối với Ban điều hành, thực hiện nhiều phiên họp khác dưới hình thức trao đổi, thực hiện lấy ý kiến qua văn bản và thư điện tử để ra các Nghị quyết/Quyết định của HĐQT, kịp thời giải quyết các vấn đề liên quan đến hoạt động của Công ty thuộc thẩm quyền của HĐQT.

Với sự chỉ đạo quyết liệt và bám sát hoạt động của Ban điều hành ngay từ những tháng đầu năm, năm 2019 Công ty đã có những bước phát triển tiến bộ đáng kể so với các năm trước, tuy chỉ tiêu doanh thu chưa đạt kế hoạch nhưng lợi nhuận trước thuế và lợi nhuận sau thuế đã vượt kế hoạch đã được Đại hội đồng cổ đông giao, cụ thể:

Stt	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2019	Thực hiện năm 2019	Tỷ lệ thực hiện so với kế hoạch
1	Vốn điều lệ	Tỷ đồng	42,353	42,353	100%
2	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	95,000	83,110	87,48%
3	Lợi nhuận trước thuế TNDN	Tỷ đồng	3,000	3,409	113,6%
4	Lợi nhuận sau thuế TNDN	Tỷ đồng	2,200	2,265	103%
5	Tổng số thuế và các khoản phải nộp NSNN	Tỷ đồng	4,500	3,832	85,1%
6	Đầu tư, mua sắm trang thiết bị	Tỷ đồng	0,500	0,178	35,6%
7	Tiền lương bình quân	Triệu đồng/ người/tháng	12,7	13,09	103%
8	Thu nhập bình quân	Triệu đồng/ người/tháng	14,2	14,5	102%

(Chi tiết tình hình kết quả SXKD, đánh giá thuận lợi, khó khăn của Công ty năm 2019 được nêu trong báo cáo của Giám đốc và báo cáo đánh giá của Ban Kiểm soát công ty).

4. Đánh giá chung hoạt động của HĐQT.

- HĐQT luôn phối hợp, hỗ trợ cùng Ban điều hành và CBCNV Công ty phấn đấu hoàn thành kế hoạch SXKD năm 2019 đã được Đại hội đồng cổ đông giao. HĐQT đã

quản lý, chỉ đạo điều hành hoạt động SXKD của Công ty theo đúng pháp luật, Điều lệ Công ty và Nghị quyết của ĐHĐCĐ;

- Trong quá trình chỉ đạo và giám sát Ban điều hành Công ty trong việc triển khai kế hoạch SXKD, Hội đồng quản trị đã kịp thời đưa ra những cảnh báo, khuyến nghị về những rủi ro cho Ban điều hành trong quá trình điều hành SXKD của Công ty;

- Các UV HĐQT có tinh thần trách nhiệm cao trong việc thực hiện chức năng quyền hạn của HĐQT, các phiên họp của HĐQT có số thành viên dự họp đảm bảo đúng quy định, các thành viên tích cực đóng góp ý kiến, gợi mở nhiều hướng phát triển SXKD của Công ty cũng như các vấn đề nâng cao quản trị doanh nghiệp;

- Các Nghị quyết của HĐQT đều có nội dung đảm bảo ban hành đúng quy định, kịp thời xử lý các vấn đề phát sinh và phù hợp với chủ trương và nghị quyết của ĐHĐCĐ. Các vấn đề được thảo luận, lấy ý kiến và tổng hợp biên bản, nội dung các quyết nghị của HĐQT được thực hiện đúng quy trình và phù hợp với chức năng và quyền hạn của HĐQT.

II. ĐỊNH HƯỚNG HOẠT ĐỘNG NĂM 2020 CỦA HĐQT:

Trong năm 2020, HĐQT Công ty tiếp tục quyết tâm, phối hợp chặt chẽ trong quản lý với Ban điều hành và Ban kiểm soát Công ty nhằm tích cực phấn đấu, kịp thời tháo gỡ các khó khăn quyết tâm thực hiện hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch được Đại hội đồng cổ đông giao, cụ thể trong năm 2020 Hội đồng quản trị quyết tâm thực hiện tốt các nhiệm vụ sau đây:

1. Xem xét trình ĐHĐCĐ thường niên thông qua kế hoạch SXKD năm 2020 của Công ty:

- Tổ chức xem xét các chỉ tiêu kinh doanh chính của Công ty bao gồm: các chỉ tiêu tài chính, chỉ tiêu đầu tư và nhóm chỉ tiêu khác (*chi tiết căn cứ báo cáo của Giám đốc về kế hoạch SXKD năm 2020*);

- Định hướng các chỉ tiêu kế hoạch SXKD chính của năm 2020 đảm bảo Công ty có kết quả SXKD tăng trưởng tốt so với năm trước, đóng góp đầy đủ nghĩa vụ với nhà nước, giảm chi phí tăng hiệu quả kinh doanh so với các năm trước, duy trì ổn định đời sống người lao động.

- Trình ĐHĐCĐ thông qua kế hoạch SXKD năm 2020 của Công ty với các chỉ tiêu chính như sau:

Stt	Các chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2020
1	Vốn điều lệ	Tỷ đồng	42,353
2	Tổng Doanh thu	Tỷ đồng	90,000
3	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	4,800
4	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	3,700
5	Tỷ suất Lợi nhuận sau thuế/Vốn điều lệ	%	8,7
6	Đầu tư XDCB và mua sắm CCDC	Tỷ đồng	13,843
7	Thuế và các khoản phát sinh phải nộp NSNN	Tỷ đồng	4,500
8	Tỷ lệ chia cổ tức	%	6

2. Giám sát chặt chẽ và kịp thời chỉ đạo các hoạt động của Ban điều hành, quyết liệt chỉ đạo Ban điều hành thực hiện thắng lợi KH SXKD đã được Đại hội đồng cổ đông giao năm 2020.

3. Bám sát và chỉ đạo Ban điều hành có phương án xử lý các công nợ khó đòi còn tồn đọng.

4. Tăng cường quản trị rủi ro doanh nghiệp:

- Tăng cường giám sát/quản trị rủi ro, đáp ứng quy định về các tỷ lệ an toàn (sử dụng vốn/nguồn vốn, giám sát chi phí, tăng cường chỉ đạo công tác quản trị doanh nghiệp); đảm bảo các hoạt động SXKD của Công ty tuân thủ nghiêm chỉnh các quy trình, quy chế của Công ty đã ban hành;

- Tăng cường công tác kiểm tra, kiểm soát, tiếp thu đầy đủ các đánh giá của BKS trong các báo cáo hàng năm, đôn đốc Ban điều hành công ty xử lý các vấn đề còn tồn tại trong công tác quản trị doanh nghiệp;

- Kiểm soát chặt chẽ rủi ro trong các hoạt động SXKD của Công ty để có phương án xử lý và cảnh báo kịp thời cho Ban điều hành Công ty.

5. Tiếp tục thực hiện triệt để và có hiệu quả chương trình hành động về thực hành, tiết kiệm chống lãng phí trong các hoạt động SXKD của Công ty; nâng cao năng suất làm việc của toàn bộ máy Công ty;

6. Tiếp tục hoàn thiện các quy chế/quy trình, cơ cấu tổ chức và phát triển và mở rộng thị trường:

- Đánh giá hàng quý trong kỳ họp định kỳ của HĐQT việc áp dụng các quy chế/quy trình do Hội đồng quản trị ban hành (*Quy chế tài chính, Quy chế quản lý công nợ, Quy chế trả lương, thưởng, ...*) và kiến nghị sửa đổi cho phù hợp với tình hình thực tế (nếu có);

- Chỉ đạo Ban điều hành tiếp tục kiện toàn cơ cấu tổ chức của Công ty, tinh giản đội ngũ nhân sự theo hướng gọn nhẹ, chú trọng về chất lượng nguồn nhân sự. Xây dựng và áp dụng các chính sách thích hợp để động viên kịp thời các nhân tố tích cực nhằm khuyến khích sự gắn kết của từng CBNV đối với sự phát triển của Công ty và tăng cường sức mạnh nguồn lực để đáp ứng nhu cầu công việc trong tình hình mới;

- Chỉ đạo Ban điều hành không ngừng mở rộng và phát triển sản phẩm, mạng lưới dịch vụ kỹ thuật có kinh nghiệm và năng lực cạnh tranh cao (dịch vụ CNTT và dịch vụ phần mềm...). Tiếp tục phát huy và nâng cao hàm lượng tham gia của PAIC trong các hợp đồng dịch vụ, dự án của Công ty tiến tới Công ty có thể chủ động 100% trong việc triển khai thực hiện các hợp đồng dịch vụ, dự án của Công ty.

- Chỉ đạo Ban điều hành tạo điều kiện để đẩy mạnh hoạt động của Chi nhánh PAIC tại TP.HCM. Phối hợp chặt chẽ với Công ty mẹ Petechim và các đơn vị thành viên để tìm kiếm cơ hội hợp tác kinh doanh, mở rộng thị trường cả trong và ngoài ngành dầu khí. Nghiên cứu khả năng làm dịch vụ cung cấp nguồn nhân lực theo đề nghị của Vietjet cũng như các đơn vị khác khi có nhu cầu.

7. Phát triển hoạt động đối ngoại của Công ty:

Tiếp tục phát triển hoạt động hợp tác đối ngoại, xúc tiến mở rộng phạm vi kinh doanh; Hợp tác với các đối tác nước ngoài để nâng cao năng lực chuyên môn đặc biệt trong lĩnh vực TĐH và phần mềm nhằm phát triển sản phẩm dịch vụ của Công ty.

8. Tổ chức các cuộc họp định kỳ của Hội đồng quản trị theo đúng quy định của Điều lệ Công ty và Luật Doanh nghiệp

Trên đây là báo cáo tóm tắt về tình hình hoạt động của HĐQT PAIC năm 2019 và định hướng hoạt động năm 2020, thay mặt cho HĐQT PAIC, xin trân trọng cảm ơn sự ủng hộ của các cổ đông.

Trân trọng!

Nơi nhận:

- Cổ đông PAIC;
- HĐQT Cty;
- BKS Cty;
- Lưu VT, Thư ký HĐQT.

**T/M HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Đỗ Thị Bích Hà

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 184 /Tr-HĐQT

Hà Nội, ngày 16. tháng 03 năm 2020

TỜ TRÌNH

Về việc miễn nhiệm và bổ nhiệm thành viên HĐQT Công ty

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty PAIC

Căn cứ Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội nước Cộng
hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Công nghệ thông tin, Viễn thông và Tự động hoá Dầu khí (PAIC);

Căn cứ Công văn số 1124/CV-CKDK ngày 08 tháng 11 năm 2019 của Công ty Cổ phần Chứng khoán Dầu khí về việc thay thế người đại diện phần vốn và thành viên Hội đồng quản trị Công ty PAIC;

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Công nghệ thông tin, Viễn thông và Tự động hóa Dầu khí kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua:

1. Miễn nhiệm ông Nguyễn Xuân Hưng thôi giữ chức thành viên HĐQT không chuyên trách Công ty PAIC nhiệm kỳ 2019-2024 theo đề nghị của Công ty Cổ phần Chứng khoán Dầu khí tại Công văn số 1124/CV-CKDK ngày 08 tháng 11 năm 2019.

2. Bổ nhiệm ông Nguyễn Minh Đức, sinh ngày 03/04/1984, Người đại diện 501.810 cổ phần (*Năm trăm lẻ một nghìn, tám trăm mười cổ phần*) vốn góp của Công ty Cổ phần Chứng khoán Dầu khí tại PAIC tương đương 11,85% vốn điều lệ của PAIC giữ chức Thành viên Hội đồng quản trị không chuyên trách Công ty PAIC, nhiệm kỳ 2019-2024 thay thế ông Nguyễn Xuân Hưng.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông Công ty xem xét và thông qua.

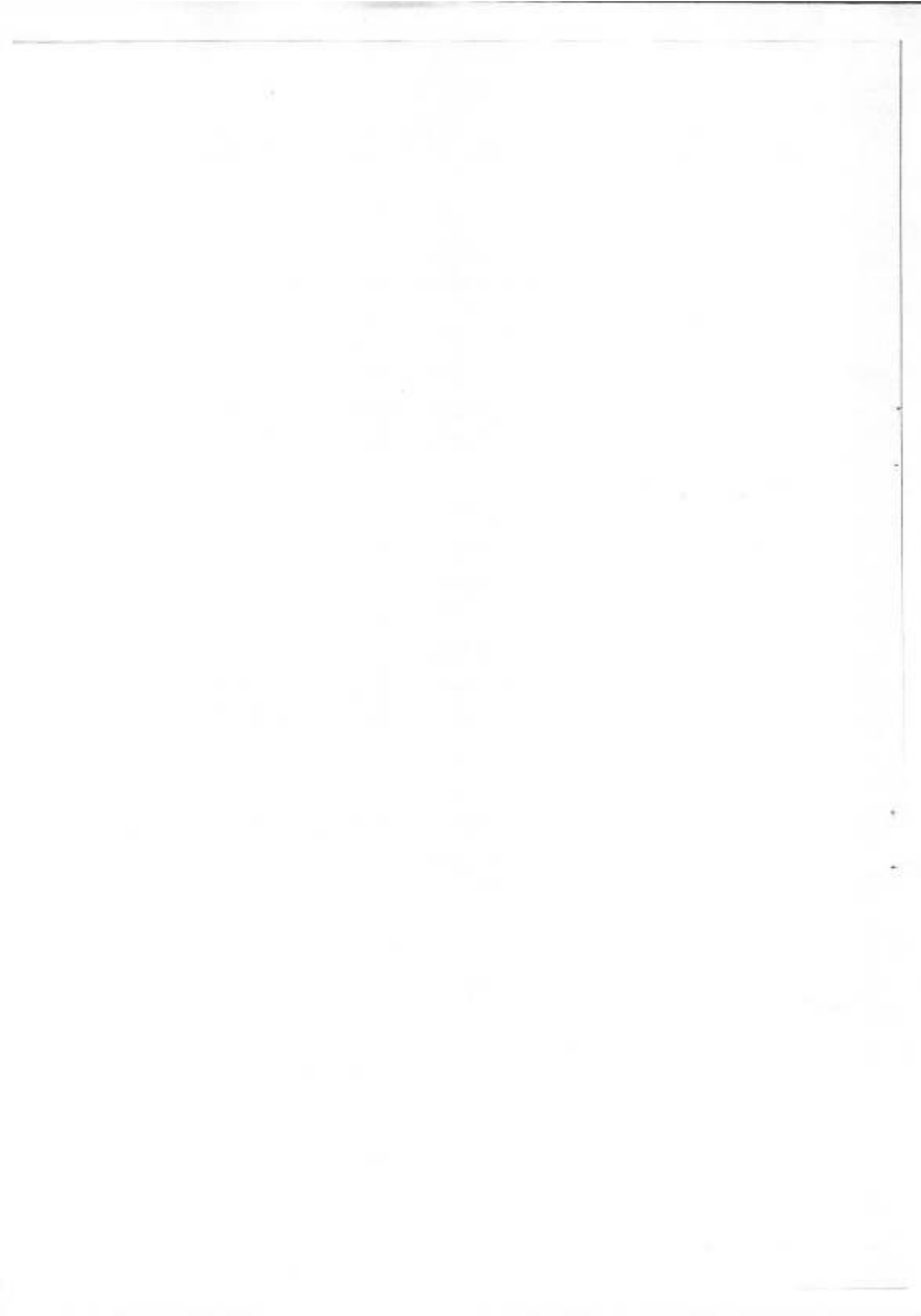
Trân trọng!

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT, BKS C.ty (đ/b);
- Giám đốc C.ty (đ/b);
- Lưu VT, TK HĐQT.



Dỗ Chi Bích Hà



**TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ VIỆT NAM
CÔNG TY
CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN DẦU KHÍ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 1124/CV – CKDK
V/v: Thay thế người đại diện phần vốn

Hà Nội, ngày 08 tháng 11 năm 2019

**Kính gửi: Công ty Cổ Phần Công nghệ thông tin
Viễn thông và Tự động hóa Dầu khí**

Công ty Cổ phần Chứng khoán Dầu khí (PSI) sở hữu 501.810 cổ phần, chiếm 11.85% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tại Công ty CP Công nghệ thông tin, Viễn thông và Tự động hóa dầu khí (PAIC).

Căn cứ theo Quyết định của PSI số 92/QĐ-HĐQT-CKDK ngày 07/11/2019 về việc thay thế người đại diện tại doanh nghiệp, PSI có nhu cầu thay thế nhân sự tham gia HĐQT của PAIC như sau:

- Miễn nhiệm Ông Nguyễn Xuân Hưng đang giữ chức vụ Ủy viên HĐQT của PAIC.
- Đề cử Ông Nguyễn Minh Đức ứng cử vào Ủy viên HĐQT của PAIC thay thế cho Ông Nguyễn Xuân Hưng (đính kèm sơ yếu lý lịch của ông Nguyễn Minh Đức).

Đề nghị Quý Công ty thực hiện các thủ tục cần thiết theo quy định của pháp luật về việc đề cử nhân sự tham gia Ban kiểm soát và thông báo kết quả tới PSI.

Trân trọng!

Nơi nhận:

- Như trên;
- CT.HĐQT, GD (để b/c);
- Lưu VT, ĐTTC

**TUO. CHỦ TỊCH HĐQT
PHÓ GIÁM ĐỐC PHỤ TRÁCH**



Nguyễn Xuân Hưng

Hồ sơ nghề nghiệp



I. Thông tin cá nhân

Tên: Nguyễn Minh Đức

Giới tính: Nam

Tình trạng hôn nhân: Đã kết hôn

Địa chỉ nhà: 17/105 Xã Đàn 2, Nam Đồng, Đống Đa, Hà Nội

Số điện thoại: 0913 002 005

Email: ducnguyen14_7@hotmail.com

II. Giáo dục và trình độ

1. Từ tháng 9 năm 2008 đến tháng 6 năm 2009

- Chứng nhận: Thạc sĩ Tài chính và Quản lý - Đại học Exeter, Devon, Vương quốc Anh
- Ngành học chính: +) Dịch vụ tài chính ngân hàng
+) Cơ bản của quản lý tài chính
+) Quản trị chiến lược

2. Từ tháng 1 năm 2008 đến tháng 8 năm 2008

- Chứng nhận: Quản lý chứng chỉ tốt nghiệp với lộ trình tài chính - Đại học Exeter, Devon, Vương quốc Anh
- Ngành học chính: +) Kế toán và tài chính cho những người không chuyên
+) Đầu tư

3. Từ tháng 9 năm 2002 đến tháng 6 năm 2006

- Chứng nhận: Cử nhân Quản trị kinh doanh - Đại học Kinh tế quốc dân, Hà Nội, Việt Nam
- Ngành học chính: +) Quản lý vận hành
+) Quản trị chiến lược
+) Quản trị kinh doanh tổng hợp

III. Ngôn ngữ

	Thông thạo	Tốt	Cơ bản
Tiếng Việt	X		
Tiếng Anh	X		

IV. Kinh nghiệm làm việc

1. Từ tháng 1 năm 2018 đến nay

- Cơ quan: MBBank, 21 Cát Linh, Đống Đa, Hà Nội
- Chức vụ: Giám đốc dữ liệu
- Mô tả công việc:
+) Tạo chiến lược dữ liệu cho MB, phù hợp với Chiến lược kinh doanh, bao gồm lộ trình dữ liệu 3 năm bao gồm tất cả các vấn đề dữ liệu từ kiến trúc hệ thống cho các vấn đề kinh doanh.

+) Bắt đầu thực hiện Chiến lược dữ liệu từ tháng 5 năm 2019, dự kiến hoàn thành và cuối năm 2022, trong đó, tập trung nhiều hơn vào thiết lập nền tảng quản lý dữ liệu như hệ thống siêu dữ liệu, ODS, v.v.

+) Thiết lập trung tâm quản trị dữ liệu với 28 đầu, tạo và thiết kế vai trò mới từ Junior đến Manager trong MB: Dữ liệu Kiến trúc, Quản lý chất lượng dữ liệu, Siêu dữ liệu Quản lý, Cán bộ quản trị dữ liệu.

+) Thiết lập Hội đồng dữ liệu bao gồm Ban điều hành dữ liệu, Dữ liệu Hội đồng quản lý, tạo chính sách dữ liệu, điều lệ dữ liệu với vai trò và trách nhiệm được xác định rõ ràng.

2. Từ tháng 6 năm 2017 đến nay

- Cơ quan: Diễn giả có kinh nghiệm trong nhiều hội thảo về ngân hàng

- Mô tả công việc:

+) Tháng 5 năm 2019: Thế giới an ninh 2019 do Bộ Công cộng tổ chức Bảo mật - Diễn giả có chủ đề "Bảo mật dữ liệu từ dữ liệu Quan điểm quản trị".

+) Tháng 7 năm 2018: Hội nghị Ngân hàng Việt Nam do Hiệp hội truyền thông kỹ thuật số Việt Nam và IDG - Diễn giả với chủ đề "Quản trị dữ liệu trong lĩnh vực ngân hàng".

+) Tháng 11 năm 2017: Ngày Internet 2017 do Bộ Thông tin và Truyền thông & Internet Việt Nam Hiệp hội - Diễn giả với chủ đề "Hướng dẫn xây dựng dữ liệu Văn hóa trong ngành ngân hàng".

+) Tháng 6 năm 2017: Hội nghị Dữ liệu lớn 2017 do ngân hàng Nhà nước tổ chức của Học viện Ngân hàng và Việt Nam - Diễn giả có chủ đề "Nâng cao chất lượng dữ liệu - Nghiên cứu trường hợp ngân hàng thương mại".

3. Từ tháng 3 năm 2017 đến tháng 12 năm 2017

- Cơ quan: PVComBank, 22 Ngõ Quyền, Hoàn Kiếm, Hà Nội

- Chức vụ: Trưởng phòng Trung tâm phân tích và doanh nghiệp thông minh

- Mô tả công việc:

+) Thiết lập trung tâm phân tích và thông minh doanh nghiệp với 3 bản đồ năm.

+) Trợ lý cho Giám đốc điều hành, chuyên về bộ phận CNTT, Bán lẻ và doanh nghiệp vừa và nhỏ.

4. Từ tháng 3 năm 2014 đến tháng 3 năm 2017

- Cơ quan: VPBank, 89 Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội

- Chức vụ: Trưởng phòng quản trị dữ liệu - BICC

- Mô tả công việc:

+) Thiết lập phòng quản trị dữ liệu để thực hiện dữ liệu Quản trị ngân hàng rộng, chỉ từ một người đến 15 nhân viên.

+) Thực hiện dự án Khung quản trị dữ liệu với tư vấn, để tạo ra khuôn khổ, lộ trình và chi tiết chính sách cho VPBank.

+) Dựa trên khung và lộ trình, thực hiện Dữ liệu Quản trị ngân hàng rộng với các hành động sau: chuyển nhượng Người quản lý dữ liệu, Chủ sở hữu dữ liệu cho tất cả các bộ phận, triển khai Dữ liệu thể điểm chất lượng và làm sạch dữ liệu trong hệ thống nguồn.

+) Thực hiện thành công dự án Kho dữ liệu giai đoạn 1 từ giữa và giúp dự án giảm thiểu 3 tháng trì hoãn.

11/11/2023

- +) Triển khai dự án Kho dữ liệu giai đoạn 2 để tích hợp dữ liệu từ nhiều hệ thống nguồn, bao gồm thiết lập ODS, di chuyển dữ liệu và tạo các báo cáo tuân thủ như Thông tư 35.
- +) Quản trị cơ sở dữ liệu DWH hiện tại cho toàn bộ ngân hàng và hệ thống nguồn như T24, W4, v.v.
- +) Hoạt động như Phó Giám đốc BICC, Giám đốc hỗ trợ tại làm việc hàng ngày và ra quyết định, liên quan đến chiến lược hành động như duy trì văn hóa cho trung tâm, tạo nội bộ quy trình / quy trình làm việc, quản lý nhân sự, duy trì khách hàng nội bộ, vv

5. Từ tháng 6 năm 2012 - tháng 3 năm 2014

- Cơ quan: Ngân hàng quân đội, Tòa nhà MB, 21 Cát Linh, Hà Nội
- Chức vụ: Trưởng nhóm phân tích kinh doanh và khai thác dữ liệu, bộ phận MIS
- Mô tả công việc:
 - +) Tạo một DataPart OLAP dựa trên Microsoft SQL Server 2012 tích hợp Tiền gửi, Cho vay, giao dịch phong trào và dữ liệu khác trong cơ sở hàng ngày. OLAP có thể là được sử dụng để tạo báo cáo kéo thả hoặc tạo đa chiều báo cáo phân tích, cũng như có thể dễ dàng chia sẻ với người khác đồng nghiệp bằng cách sử dụng công cụ bên ngoài hoặc Microsoft Excel.
 - +) Sử dụng Visual Studio để tạo ứng dụng và phân phối cho người dùng cuối. Ứng dụng có thể được sử dụng để trích xuất dữ liệu từ OLAP và tạo báo cáo xây dựng trước hoặc bảng điều khiển xây dựng.
 - +) Tạo và duy trì báo cáo bảng điều khiển hàng tuần và hàng tháng hệ thống cho Hội đồng quản trị.
 - +) Làm việc cùng với bộ phận CNTT trong quá trình chuẩn bị thông tin cho việc đấu thầu các hệ thống Kho dữ liệu như các yêu cầu cho hệ thống, thông tin đầu vào cho 4 dự án, vv.
 - +) Làm việc với các chuyên gia từ PricewaterhouseCoopers Vietnam tại Dự án MIS để xem xét tất cả các báo cáo và hệ thống dữ liệu trong ngân hàng, tạo và sắp xếp báo cáo cho các bộ phận kinh doanh, thiết kế tạo thủ tục báo cáo. Dự án bao gồm năm bộ phận, trong đó tôi phụ trách hai bộ phận, bộ phận giữ lại và bộ phận phân phối.
 - +) Tham gia dự án chất lượng dữ liệu, chủ yếu tập trung vào làm sạch dữ liệu sản phẩm, xây dựng báo cáo sản phẩm trong đó người dùng cuối có thể truy cập tất cả các thông tin sản phẩm trong một báo cáo.
 - +) Hoạt động như một trưởng nhóm trong Bộ phận MIS từ tháng 6 năm 2012 đến Tháng 7 năm 2013, và được thăng chức thành Trưởng nhóm vào tháng 8 năm 2013, trong phụ trách thiết kế, tạo báo cáo cho các bộ phận kinh doanh và nhà quản lý cấp cao yêu cầu. Nghiên cứu sinh hàng ngày hành động cũng như sử dụng các công cụ dữ liệu như Excel, SQL và Visual Studio.
 - +) Từ tháng 6 năm 2012, đội ngũ nhân viên xuất sắc trong toàn hệ thống cho liên tục hai kỳ.

6. Từ tháng 5 năm 2011 đến tháng 5 năm 2012

- Cơ quan: Ngân hàng Hàng hải, tháp Sky, 88 Láng Hạ, Hà Nội
- Chức vụ: Chuyên viên phân tích kinh doanh, phòng phân tích kinh doanh

- Mô tả công việc:
 - + Tạo và duy trì báo cáo hàng ngày, hàng tuần và hàng tháng liên quan đến hiệu suất tiền gửi của mỗi văn phòng trong cả nước.
 - + Chuẩn bị tài liệu cuộc họp hàng quý cho các nhà quản lý hàng đầu, trong mà các tài liệu sẽ hiển thị tổng quan hiệu suất của từng lĩnh vực như tiền gửi, tài khoản mới, kích hoạt tài khoản và như vậy.
 - + Phân tích yêu cầu đặc biệt từ các nhà quản lý hàng đầu cho mục đích chiến lược.
 - + Tham gia vào việc chuẩn bị và xử lý dự án MIS sẽ phát hành báo cáo MIS hàng ngày, hàng tuần và hàng tháng cho các nhà quản lý hàng đầu.

7. Từ tháng 6 năm 2010 đến tháng 5 năm 2011

- Cơ quan: PricewaterhouseCoopers Vietnam, Đơn vị 701, Pacific Place, 83b Phố Lý Thường Kiệt, Hà Nội
- Chức vụ: Tư vấn, đơn vị giao dịch, giao dịch
- Mô tả công việc:
 - + Thu thập dữ liệu, tạo số dữ liệu, danh sách câu hỏi và danh sách yêu cầu thông tin.
 - + Giám đốc phòng vấn, kế toán trưởng và kế toán 5 bộ phận để tìm ra những rủi ro chính, mối quan hệ giữa tất cả các bên (bao gồm trong và ngoài công ty) dựa trên Báo cáo tài chính trong ba năm lý tưởng, các lĩnh vực cần phải cải thiện và đưa ra mức giá tiềm năng cho khách hàng.
 - + Tìm kiếm khách hàng tiềm năng và tiếp cận họ qua email, điện thoại và cuộc họp.

8. Từ tháng 11 năm 2009 đến tháng 5 năm 2010

- Cơ quan: TECHCOMBANK, tầng 5, 57 Láng Hạ, Hà Nội
- Chức vụ: Chuyên viên phân tích kinh doanh và khai thác dữ liệu
- Mô tả công việc:
 - + Tạo và cải thiện Bảng điều khiển hàng tuần cho cá nhân Dịch vụ tài chính (PFS) của Techkut. Bảng điều khiển là sự kết hợp của bảy báo cáo khác. Từ lúc tham gia Techodar, tôi đã cải thiện Bảng điều khiển bằng cách tự động tiến bộ 60% giúp tiết kiệm thời gian hơn và có thể giảm số lượng người tham gia vào các báo cáo. Bảng điều khiển có Bốn phần cụ thể là máy chủ SQL chứa dữ liệu thô, Bảng chính có chứa số, Biểu đồ trong tệp excel trong đó có các biểu đồ, các slide chứa biểu đồ và ý kiến. Bốn phần sẽ được liên kết với nhau và sẽ được cập nhật hàng tuần sau khi dữ liệu thô có sẵn. Bảng điều khiển sẽ được gửi đến người đứng đầu các trung tâm và Broad of Giám đốc mỗi tuần trước 12:00 thứ ba và tôi luôn luôn lưu trữ mục tiêu.
 - + Tạo và thực hiện báo cáo hàng tháng cho Sản phẩm Bộ phận phát triển.
 - + Nghiên cứu và phân tích một số sản phẩm như Thẻ chấp, Ưu tiên và khách hàng VIP trong PFS.

9. Từ tháng 3 năm 2009 đến tháng 11 năm 2009

- Cơ quan: NHÓM CRI, Atardi 278, 23 King Street, Cambridge, UK
- Chức vụ: Trợ lý chủ tịch
- Mô tả công việc:

+) Tháng 3 năm 2009, tham gia dự án cả phê đã được hỗ trợ cho người trồng cà phê Việt Nam để cải thiện chất lượng và số lượng cà phê cũng như tăng cuộc sống tiêu chuẩn của người dân địa phương. Dự án đang được tiến hành với Tổng công ty giữa các ngân hàng địa phương, công ty cà phê Việt Nam, công ty bảo hiểm quốc tế, xếp hạng Fitch và ADB, trong Tập đoàn CRI nào là cầu nối để kết nối tất cả các bên.

+) Tìm và liên hệ với các đối tác phù hợp tại Việt Nam và Trung Quốc, chuẩn bị tài liệu và tham gia các cuộc gọi hội nghị với Chủ tịch và các đối tác, thiết lập cuộc họp với các đối tác tại Việt Nam và Trung Quốc trước cuộc họp giữa 6 chủ tịch và các đối tác.

+) Thành lập một đội tại Trung Quốc, đào tạo và hỗ trợ đội trong quá trình tại Bắc Kinh (Trung Quốc) bao gồm cả cuộc họp với các đối tác theo thứ tự của Chủ tịch.

+) Viết báo cáo quy trình cho Chủ tịch; nhận được phản hồi từ các đối tác để cải thiện hiệu suất của dự án và giải thích các điều khoản mới trong mỗi dự án thời gian nó được cải thiện.

10. Từ tháng 8 năm 2006 đến tháng 9 năm 2007

- Cơ quan: Công ty tư vấn và nghiên cứu công nghệ và Đầu tư (CONCETTI), Việt Nam
- Chức vụ: Nhà nghiên cứu
- Mô tả công việc:
 - +) Tư vấn về lĩnh vực thị trường cho khách hàng.
 - +) Tham gia vào các tài liệu dịch thuật liên quan đến các dự án.
 - +) Nghiên cứu thị trường, phân tích dự án.
 - +) Tìm kiếm khách hàng, mở cửa thị trường cho Công ty.
 - +) Xây dựng biểu thức quan tâm, tài liệu đấu thầu.
 - +) Cung cấp hỗ trợ kỹ thuật và hành chính trong các nghiên cứu /các dự án do Công ty thực hiện.
 - +) Bảng câu hỏi khảo sát thiết kế. Tiến hành xử lý thu thập thông tin và dữ liệu từ các cuộc phỏng vấn.
 - +) Duy trì liên lạc với khách hàng, đối tác dự án, nhà nước các cơ quan, tổ chức phi chính phủ ...

V. Kỹ năng máy tính, các kỹ năng khác và đào tạo

- Trung cấp về Python cho nhà khoa học dữ liệu.
- Xuất sắc trong Lava Storm, một công cụ Chất lượng Dữ liệu.
- Xuất sắc trong Khai thác dữ liệu bằng máy chủ MS SQL 2012, bao gồm SSIS, SSAS.
- Xuất sắc trong các ứng dụng tin học văn phòng.
- Những kỹ năng thuyết trình.
- Quản lý dự án.

Tôi xin cam đoan rằng tất cả các chi tiết trên là đúng và chính xác; Tôi sẽ chịu trách nhiệm hoàn toàn cho bất kỳ thông tin không chính xác hoặc không phù hợp được cung cấp ở đây.

NGUYỄN MINH ĐỨC

Số: *22* /BC - PAIC

Hà Nội, ngày *26* tháng *03* năm 2020

BÁO CÁO

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SXKD NĂM 2019 VÀ KẾ HOẠCH SXKD NĂM 2020

Nội dung báo cáo gồm 2 phần:

- A. Báo cáo kết quả hoạt động SXKD năm 2019.*
- B. Kế hoạch SXKD năm 2020.*
- C. Kiến nghị, đề xuất*

A – KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SXKD NĂM 2019

I - Tình hình chung

1. Thuận lợi

- Là đơn vị trong ngành dầu khí, PAIC luôn nhận được sự quan tâm, chỉ đạo và ủng hộ của các cổ đông (đặc biệt là cổ đông lớn Petechim), cũng như các đơn vị thành viên của Tập đoàn trong hoạt động sản xuất kinh doanh.
- PAIC đã tạo dựng được thương hiệu và thị phần nhất định trong ngành, bước đầu thiết lập được các mối quan hệ hợp tác lâu dài, hỗ trợ lẫn nhau với các đối tác trong và ngoài nước để đào tạo, chuyển giao công nghệ và từng bước tham gia, phát triển năng lực dịch vụ.
- Bộ máy tổ chức đang dần ổn định, việc tổ chức, sắp xếp, phân công lại chức năng nhiệm vụ các phòng/Chi nhánh, rà soát lại nhân sự điều chỉnh lại hệ số lương đã mang lại những chuyển biến tích cực trong hoạt động SXKD.
- Công ty đã kí được hợp đồng thường xuyên với Tập đoàn Dầu khí Việt Nam có thời 03 năm (từ 7/2019-7/2022) với giá trị gần 100 tỷ đồng tạo nên sự ổn định trong SXKD và định hướng kế hoạch của Công ty trong thời gian tới.
- Có năng lực tài chính tốt, tạo điều kiện thuận lợi và chủ động tài chính trong việc triển khai các dự án và doanh thu tài chính đóng góp vào lợi nhuận chung của Công ty.
- Có tập thể lãnh đạo, cán bộ công nhân viên có trình độ chuyên môn tốt, tâm huyết và đoàn kết.
- Được sự hỗ trợ của Tập đoàn SOVICO, PAIC đang hợp tác cùng AWS để nắm bắt và dần triển khai công nghệ điện toán đám mây (Cloud Computing) cho các đơn vị trong và ngoài ngành, tạo ra một cơ hội kinh doanh mới trong những năm tới.

2. Khó khăn

- Nhìn chung, trong năm 2019 các khách hàng truyền thống của PAIC gặp nhiều khó khăn và cắt giảm hoặc dừng việc đầu tư, mua sắm trong các lĩnh vực dịch vụ của PAIC cung cấp nên ảnh hưởng nhiều đến nguồn việc của PAIC.
- Các lĩnh vực dịch vụ PAIC cung cấp đều gặp phải sự cạnh tranh khốc liệt từ các đơn vị trong và ngoài ngành nên ảnh hưởng đến lượng công việc và tỉ suất lợi nhuận khi thực hiện các dự án.
- Một số dự án triển khai gặp nhiều khó khăn đã làm ảnh hưởng rất nhiều đến kế hoạch doanh thu, lợi nhuận của Công ty.
- Cơ sở vật chất hiện có của PAIC để phục vụ thực hiện các dịch vụ còn rất hạn chế, một số thiết bị đã đầu tư để thực hiện các dịch vụ cho khách hàng đã xuống cấp nên chi phí vận hành, bảo dưỡng và sửa chữa nâng cấp tăng cao so với những năm trước.
- Một số khoản nợ xấu gây ảnh hưởng đến kết quả sản xuất kinh doanh của công ty, mặc dù công tác thu hồi luôn được PAIC chú trọng và nỗ lực thực hiện nhưng chưa đạt được như kì vọng.

3. Kết quả đạt được

TT	Chỉ tiêu	Đvt	Thực hiện năm 2018	Kế hoạch năm 2019	Thực hiện năm 2019	Tỉ lệ % hoàn thành so với	
						Kế hoạch 2019	Thực hiện 2018
1	Vốn điều lệ	Tỷ đồng	42,353	42,353	42,353	100%	100%
2	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	95,974	95,000	83,110	87,48%	86,59%
4	Lợi nhuận từ doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ + thu nhập tài chính + thu nhập khác	Tỷ đồng	19,158	27,500	25.898	94,17%	135,2%
5	Chi phí hoạt động+Chi phí bán hàng +Chi phí khác	Tỷ đồng	9,400	10,000	7,640	76,4%	81,3%
6	Chi phí lương	Tỷ đồng	12,500	13,000	13,300	102,3%	106,4
7	Chi phí phần bổ cho dự án APP-CVD	Tỷ đồng	1,549	1,549	1,549	100%	100%
8	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	1,736	3,000	3,409	113,6%	196,4%
9	Thuế TNDN	Tỷ đồng	0,860	0,800	1,144	143%	133%
10	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	0,876	2,200	2,265	103%	258.6%

11	Thuế và các khoản phải nộp ngân sách nhà nước	Tỷ đồng	4,250	4,500	3,832	85,1%	90,1%
12	Đầu tư XD CB, mua sắm CCDC	Tỷ đồng	0,150	0,500	0,178	35,6%	118%
13	Tiền lương bình quân	Tỷ đồng	11,40	12,700	13,090	103%	114%
14	Thu nhập bình quân người lao động	Tr. Đồng/ người/ tháng	12,72	14,200	14,501	102%	114%

Nhận xét: - Doanh thu năm 2019 của Công ty PAIC là **83,110** tỷ đồng, hoàn thành 87,48% kế hoạch và bằng 86,59% so với doanh thu năm 2018; Lợi nhuận sau thuế năm 2019 là **2,265** tỷ đồng, đạt 103% kế hoạch và vượt 258,6% so với năm 2018.

- Đã trích lập chi phí 1,549 tỷ đồng cho dự án SXTN Pin mặt trời.

Trong đó thực hiện kế hoạch doanh thu của các bộ phận như sau:

TT	Phòng/Ban	Đơn vị tính	Kế hoạch 2019	Thực hiện năm 2019	Tỉ lệ % hoàn thành so với KH năm 2019	Ghi chú
1	Phòng Tự động hóa và GPHT	Tỷ đồng	25,000	13,591	54.36%	
2	Phòng Giải pháp phần mềm	Tỷ đồng	10,000	13,615	136.1%	
3	Phòng DVVH và Bảo dưỡng	Tỷ đồng	42,000	39,750	94.6%	
4	Chi nhánh HCM	Tỷ đồng	15,000	12,326	82.21%	
5	Doanh thu IBS + Kênh truyền	Tỷ đồng	1,000	1,042	104.2%	
6	Doanh thu tài chính+Doanh thu khác	Tỷ đồng	2,000	2,786	139%	
	Tổng cộng	Tỷ đồng	<u>95.000</u>	<u>83,110</u>	<u>87,48%</u>	

➤ **Nguyên nhân đạt kế hoạch lợi nhuận và không đạt kế hoạch về doanh thu:**

- **Nguyên nhân vượt kế hoạch lợi nhuận:**

- + Công ty cắt giảm tối đa các chi phí;
- + Rà soát, sắp xếp lại toàn bộ nhân sự, tinh giảm và chấm dứt hợp đồng lao động với một số lao động dôi dư không phù hợp;
- + Thu hồi được công nợ của Công ty CP xi măng Công Thanh;

- **Nguyên nhân không đạt kế hoạch doanh thu:**

Mặc dù với sự cố gắng, nỗ lực của tập thể Lãnh đạo và toàn thể CBCNV Công ty nhưng kết quả doanh thu năm 2019 của Công ty không đạt được so với kế hoạch do những nguyên nhân chính sau:

- + Công tác xúc tiến, ký kết và thực hiện các hợp đồng mới không đạt như kế hoạch đặt ra. Một số dự án triển khai gặp nhiều khó khăn thậm chí dừng triển khai do khách hàng thay đổi kế hoạch, giãn tiến độ.
- + Lĩnh vực Tự động hóa của công ty ngày càng gặp khó khăn, nguồn nhân lực thiếu, công tác xúc tiến thương mại hạn chế, dẫn tới không đạt được kết quả doanh thu cũng như lợi nhuận theo kế hoạch đề ra.
- + Thị trường Chi nhánh Hồ Chí Minh cũng gặp nhiều khó khăn, sự cạnh tranh khốc liệt, nguồn nhân lực tại Chi nhánh không đủ, các cơ hội mở rộng thị trường gặp nhiều khó khăn dẫn tới doanh thu và lợi nhuận không đạt như kế hoạch đề ra.

II – Công tác khác

1. Công tác marketing, xúc tiến thương mại

- Tập trung Marketing, xúc tiến thực hiện các hợp đồng thương mại: Cung cấp hàng hóa, thiết bị, Licesce phần mềm, dịch vụ kèm theo trong lĩnh vực công nghệ thông tin, viễn thông và tự động hóa. Bám sát kế hoạch triển khai các dự án của các đối tác khách hàng lớn như PVN, BSR, EVN, đặc biệt là nhóm khách hàng thuộc Tập đoàn Sovico holdings.
- Tiếp tục duy trì, đẩy mạnh các công việc Marketing đang triển khai trong năm 2019, mở rộng phạm vi ra các công việc, khách hàng địa bàn có tính khả thi cao như Các công ty Điện lực, Nhà máy Lọc-Hóa dầu Nghi Sơn, PV Oil Thái Bình...
- Phát huy mọi nguồn lực để nâng cao năng lực cạnh tranh, nâng cao uy tín của PAIC đối với các đơn vị đối tác trong và ngoài ngành. Nâng cao chất lượng, tiết kiệm chi phí và mở rộng việc tìm kiếm các hợp đồng mới.
- Gắn liền công tác marketing với công tác bảo hành, hỗ trợ khách hàng sau triển khai.
- Nghiên cứu mở rộng sản phẩm dịch vụ cung cấp cho khách hàng như: Điện toán đám mây (Cloud computing), Hệ thống mã vạch. Hiện nay, công ty đã tiếp cận và triển khai thí điểm cho một số khách hàng như PVN, Công ty CP lọc hóa dầu Nghi Sơn

2. Công tác quản lý tài chính, bảo toàn và phát triển vốn

- Sử dụng vốn điều lệ và các nguồn vốn khác đúng mục đích, đảm bảo hiệu quả kinh tế.
- Giám sát chặt chẽ công tác quản lý tài chính kế toán và sử dụng chi phí nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng vốn.
- Không để phát sinh các khoản nợ quá hạn, nợ xấu khó đòi. Trong năm 2019 không phát sinh các khoản nợ khó đòi, nợ quá hạn, nợ xấu.
- Luôn chấp hành đúng, đầy đủ việc lập và thực hiện hệ thống tài chính kế toán theo đúng quy chế tài chính của Công ty và của Nhà nước.
- Thực hiện việc trích nộp ngân sách Nhà nước đầy đủ, kịp thời. Không để nợ đọng các khoản thuế của Nhà nước.

3. Công tác xử lý một số công nợ xấu

Ban điều hành đã quyết liệt và nỗ lực trong việc thu hồi các khoản nợ xấu khó đòi. Cụ thể như sau:

- Dự án Xi măng Công Thanh: Công ty CP Xi măng Công Thanh đã thanh toán 100% giá trị quyết toán của Hợp đồng.
- Dự án Pin mặt trời: Công ty đã gửi công văn đến Tập đoàn dầu khí Việt Nam đề nghị hoàn thiện các thủ tục để thanh lý Hợp đồng số 7454/HĐ-DKVN ngày 20/8/2010 và thanh toán cho PAIC số tiền còn thiếu là 1.646.068.395 đồng. Tuy nhiên đến nay vẫn chưa nhận được tiền thanh toán từ PVN.
- Dự án Ethanol Phú Thọ và Dự án Khách sạn Lam Kinh: Ban điều hành đã liên hệ và làm việc để yêu cầu khách hàng có phương án trả nợ cho PAIC.

ST T	Tên khách hàng/Dự án	Nợ đầu kỳ 01/01/2019	TT trong kỳ	Nợ tính đến 31/12/2019	Tình trạng
1	Công ty CP xây lắp dầu khí Hà Nội	1.864.41.134	0	1.864.410.134	Đã trích lập 100%
2	Công ty CP ĐTXD Vinaconex-PVC	790.746.600		790.746.600	Đã trích lập 100%, Bên A cam kết trả 50 triệu/tháng
3	Công ty CP Xi măng Công Thanh	1.289.456.395	1.289.456.395	0	Đã thanh toán 100%
4	Tập đoàn dầu khí Việt Nam/Dự án Pin mặt trời	1.646.068.395		1.646.068.395	Đã có QĐ phê duyệt quyết toán của PVN, chưa có thanh lý HĐ

4. Công tác hành chính, nhân sự, đào tạo

4.1. Công tác tổ chức, hành chính, nhân sự

- Công tác hành chính, tổ chức thực hiện tốt theo đúng quy định của công ty. Tiếp tục duy trì, cải tiến và áp dụng hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001:2015; ISO 27001:2013 một cách triệt để và hiệu quả.
- Ngoài ra trong năm 2019, Công ty cũng đã thực hiện công tác điều chỉnh lương cho phù hợp với các vị trí công việc nhằm khuyến khích người lao động.

- Công ty đã rà soát, sắp xếp lại toàn bộ nhân sự, tinh giảm và chấm dứt hợp đồng lao động với một số lao động dư không phù hợp.

Tình hình diễn biến lao động của Công ty trong năm 2019 như sau:

- * Lao động có mặt đầu kỳ : **83** người
- * Lao động tăng trong kỳ : **01** người
- * Lao động giảm trong kỳ : **08** người
- * Lao động có mặt cuối kỳ : **76** người
- * Lao động định biên năm 2019 là: **80** người.

Tính đến thời điểm hiện nay, nhân sự của các phòng/ban trong Công ty như sau:

TT	Phòng/ban	SL	Ghi chú
1	Ban Giám đốc	2	
2	Ban Kiểm soát	1	
3	Phòng Tổ chức – Hành chính	11	
4	Phòng Tài chính – Kế toán	3	
5	Phòng Kinh tế - Kế hoạch	5	
6	Phòng Dịch vụ Vận hành và Bảo dưỡng	31	
7	Phòng Tự động hóa và Giải pháp hệ thống	5	
8	Phòng Giải pháp phần mềm	12	
9	Chi nhánh HCM	6	
Tổng cộng		76	

4.2. Công tác đào tạo, tiền lương, thu nhập bình quân

- Từ ngày 02-03/05/2019 công ty đã tổ chức khóa đào tạo khóa “Chuyên gia đánh giá nội bộ” cho 20 người.
- Tổ chức khóa đào tạo khả năng giao tiếp với khách hàng, thiết kế đồ họa 2D.
- Tiền lương, thu nhập bình quân năm 2019 như sau:
 - + Tiền lương bình quân: **13.092.810 triệu đồng/1 người/1 tháng**
 - + Thu nhập bình quân: **14.501.663 triệu đồng/1 người/1 tháng**

4.3. Công tác an sinh xã hội, chế độ chính sách và hoạt động của các tổ chức đoàn thể

- Công ty thực hiện đúng quy định của Nhà nước về chính sách tiền lương, thưởng cũng như các chế độ phúc lợi xã hội cho CBCNV. 100% CBCNV làm việc đã được Công ty ký kết hợp đồng lao động theo đúng quy định của pháp luật. Công ty đảm bảo việc trích nộp BHXH, BHYT và BHTN theo đúng các văn bản quy định của Nhà nước.
- Bên cạnh việc nghiêm túc thực hiện đóng Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm Y tế cho Người lao động theo quy định của Nhà nước, Công ty còn ký hợp đồng bảo hiểm thân thể cho 100% Người lao động và thực hiện mua các loại bảo hiểm theo quy định đáp ứng yêu cầu hoạt động sản xuất kinh doanh của đơn vị.

- Công ty luôn quan tâm đến đời sống của CBCNV bằng các hoạt động thiết thực như: hàng năm tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho CBCNV, tổ chức và tặng quà cho CBCNV trong ngày sinh nhật, quốc tế phụ nữ 8/3; 20/10 ... Đẩy mạnh hoạt động của các tổ chức Công đoàn, Đoàn Thanh niên, thông qua các chương trình văn thể mỹ, tạo không khí vui tươi lành mạnh trong Công ty. Hàng năm Công ty tổ chức CBCNV đi nghỉ mát theo thỏa ước lao động tập thể của Công ty.
- Ban giám đốc luôn chú trọng đến công tác An toàn lao động, bảo hộ lao động, trang phục văn phòng, vệ sinh môi trường, sức khỏe cho NLD, tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho 100% CBCNV.
- Luôn nghiêm túc thực hiện công tác báo cáo định kỳ về AT-VSLD - PCCN; BHLĐ, tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp theo quy định.
- Công đoàn, Đoàn Thanh niên luôn tích cực hưởng ứng các phong trào theo chương trình hoạt động do cơ quan cấp trên phát động.
- Tích cực hưởng ứng các phong trào thi đua, phong trào an sinh xã hội. Tham gia các hoạt động xã hội khác.
- Tổ chức thành công "Hội nghị tổng kết SXKD năm 2018 và hội nghị người lao động năm 2019"

4.4. Công tác triển khai thực hiện Nghị quyết của HĐQT Công ty

- Công ty đã tiến hành tổ chức thành công Đại hội cổ đông theo đúng điều lệ và nghị quyết của HĐQT.
- Ban điều hành Công ty đã ra quyết định phân bổ, giao kế hoạch, nhiệm vụ SXKD năm 2019 tới từng phòng, chi nhánh theo đúng quy trình, quy định. Công tác quản lý, theo dõi, giám sát và đánh giá kết quả SXKD của các bộ phận được thực hiện thường xuyên và định kỳ hàng quý tổng hợp báo cáo.
- Hoàn thành công tác thu hồi công nợ của Công ty CP Xi măng Công Thanh

4.5. Công tác đầu tư và mua sắm phương tiện thiết bị

Trong năm 2019, Công ty đã đầu tư mua sắm trang thiết bị 75 triệu đồng và đầu tư mua sắm công cụ dụng cụ và mua sắm khác là: 103 triệu đồng

B. KẾ HOẠCH, NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM VÀ CÁC GIẢI PHÁP THỰC HIỆN NĂM 2020

1. Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2020

1.1 Căn cứ xây dựng kế hoạch

- Căn cứ vào nhu cầu thị trường công nghệ thông tin, viễn thông, tự động hóa của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ 4 (CMCN 4.0) để xây dựng và phát triển hệ thống CNTT hiện đại, tiên tiến.
- Căn cứ vào kế hoạch đầu tư, mua sắm của các khách hàng truyền thống của PAIC như PVN, BSR, EVN... và khả năng mở rộng các khách hàng mới trong lĩnh vực công nghệ thông tin, viễn thông và tự động hóa.
- Các hợp đồng đang thực hiện thường xuyên, các hợp đồng chuyển từ năm 2019 sang: **39 tỷ**.
 - o Các hợp đồng thường xuyên: 31 tỷ.
 - o Các hợp đồng chuyển từ 2019 sang 2020: 08 tỷ.
- Các kết quả SXKD của PAIC từ trước đến nay, kết quả SXKD năm 2019.
- Nguồn lực hiện tại của PAIC và các định hướng, giải pháp dự kiến.
- Đánh giá khả năng xử lý các dự án tồn đọng, các khoản nợ xấu.

1.2 Các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh chủ yếu năm 2020.

TT	Các chỉ tiêu	Đvt	Kế hoạch năm 2020
1	Vốn điều lệ	Tỷ đồng	42,353
2	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	90,000
3	Giá vốn bán hàng và cung cấp dịch vụ	Tỷ đồng	62,200
4	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	Tỷ đồng	27,800
5	Tổng chi phí, trong đó:	Tỷ đồng	23,000
5.1	Chi phí hoạt động	Tỷ đồng	8,000
5.2	Chi phí lương trong giờ và ngoài giờ(*)	Tỷ đồng	15,000
6	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	4,800
7	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	3,700
8	Tỷ suất Lợi nhuận sau thuế/Vốn điều lệ	%	8,7%
9	Tỷ lệ chia cổ tức	%	6,0%
10	Thuế và các khoản phát sinh phải nộp NSNN	Tỷ đồng	4,500
11	Định biên lao động	Người	90
12	Chi phí đào tạo	Tỷ đồng	0,6
13	Lương bình quân	Triệu đồng/ người/tháng	13,57
14	Thu nhập bình quân	Triệu đồng/ người/tháng	15,21

(*) Tỷ lệ % tính quỹ lương theo Quy chế trả lương, thưởng của công ty PAIC ban hành ngày 28/03/2016 (tính theo lợi nhuận trước thuế của hoạt động SXKD): $A\% = 15/19,8 * 100\% = 76\%$.

Căn cứ vào mặt bằng lương của Công ty so với mặt bằng lương của ngành Công nghệ thông tin hiện nay đang còn thấp do đó cần phải nâng cao mức lương để giữ lao động đặc biệt là những lao động có kinh nghiệm và trình độ chuyên môn cao. Mặt khác, để nâng cao chất lượng sản phẩm và dịch vụ, Công ty cần tuyển thêm nhân sự có chất lượng cao trong thời gian tới. Vì vậy, Ban điều hành Công ty PAIC đề xuất HĐQT xem xét phê duyệt tỷ lệ % tính quỹ lương năm 2020 là: $A\% = 80\%$ (hệ số A năm 2019 của công ty là: 82%);

Chủ thích: Theo Quy chế trả lương, thưởng hiện hành của Công ty PAIC, quỹ lương kế hoạch hàng năm được xác định theo công thức sau:

Quỹ lương hàng năm = (Doanh thu - Tổng chi phí (không bao gồm chi phí tiền lương)) x A%

1.3 Tổng hợp các hợp đồng, các dự án có cơ hội thực hiện trong năm 2020

- Giá trị các Hợp đồng đang thực hiện (từ 2019 chuyển sang): 39 tỷ,
- Giá trị các dự án có cơ hội tương đối rõ ràng : 50-55 tỷ
- Do ảnh hưởng của đại dịch COVID-19, một số dự án của các khách hàng truyền thống như PVN, BSR, EVN nhiều khả năng bị thay đổi kế hoạch triển khai chậm lại so với dự kiến ban đầu hoặc tạm dừng triển khai.

(Đính kèm Phụ lục 01: Bảng tổng hợp các hợp đồng, các cơ hội dự án thực hiện năm 2020)

2. Kế hoạch đầu tư

- Để đảm bảo sự phát triển bền vững, lâu dài và tiết giảm tối đa chi phí, trong năm 2020 Công ty PAIC có kế hoạch đầu tư mua sắm văn phòng làm việc. Mặt khác, để nâng cao chất lượng dịch vụ, mở rộng thị trường, tăng doanh thu, trong năm 2020 Công ty PAIC có kế hoạch đầu tư mua sắm trang thiết bị như sau:
 - + Đầu tư cho mảng dịch vụ Cloud bao gồm: Đào tạo, trang thiết bị (Kế hoạch cụ thể sẽ trình HĐQT phê duyệt sau);
 - + Mua sắm văn phòng làm việc và sắm trang thiết bị văn phòng: 13,343 tỷ đồng.
 - + Đầu tư sửa chữa văn phòng tại 18 Láng Hạ và mua trang thiết bị phục vụ cho SXKD: 0,5 tỷ đồng;

STT	Chỉ tiêu đầu tư	Đơn vị	Kế hoạch 2020
1	Tổng nhu cầu vốn đầu tư	Tỷ đồng	13,843
1.1	Đầu tư mua sắm văn phòng và sắm trang thiết bị văn phòng	Tỷ đồng	13,343
1.2	Đầu tư sửa chữa văn phòng tại 18 Láng Hạ và mua trang thiết bị phục vụ cho SXKD	Tỷ đồng	0,500
2	Nguồn vốn đầu tư	Tỷ đồng	13,843
2.1	Vốn chủ sở hữu	Tỷ đồng	13,843
2.2	Vốn vay + khác	Tỷ đồng	-

3. Nhiệm vụ trọng tâm

- Nâng cao năng lực cạnh tranh, nâng cao uy tín của PAIC đối với các đơn vị trong ngành và ngoài ngành.
- Chú trọng nâng cao hơn nữa uy tín, chất lượng dịch vụ trong việc triển khai hợp đồng thương xuyên với Tập đoàn dầu khí Việt Nam và các đơn vị đang thực hiện. Tiết kiệm chi phí để nâng cao hiệu quả, mở rộng tìm kiếm hợp đồng dịch vụ O&M mới với các đơn vị trong ngành.
- Duy trì tốt các công việc và khách hàng hiện có, từng bước phát triển và mở rộng thị trường.
- Tiếp tục đẩy mạnh công tác tiếp thị, đấu thầu, hợp tác, liên doanh, liên kết với các đơn vị trong và ngoài ngành để tìm kiếm khách hàng và tham gia cung cấp dịch vụ cho các dự án / công trình do Tập đoàn và các đơn vị khác trong ngành làm Chủ đầu tư cũng như Bảo dưỡng sửa chữa các nhà máy, công trình thuộc sở hữu của Tập đoàn và đơn vị;
- Tập trung tăng cường đầu tư trang thiết bị, cơ sở vật chất kỹ thuật và nguồn nhân lực nhằm nâng cao năng lực và chất lượng dịch vụ;
- Tiếp tục xử lý các khoản nợ quá hạn, khó đòi để thu hồi vốn;
- Quản trị chặt chẽ chi phí, giảm giá vốn hàng bán, dịch vụ, nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh; Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát hoạt động của các phòng/chi nhánh để nâng cao hiệu quả SXKD;
- Duy trì và hoàn thiện các hệ thống quản lý chất lượng: duy trì hệ thống ISO 9001:2015, hệ thống ISO 27000 để chuẩn hóa môi trường và văn hóa làm việc chuyên nghiệp trong toàn công ty;
- Tiếp tục kiện toàn tổ chức bộ máy, nhân sự lãnh đạo quản lý, phân cấp phân quyền một cách rõ ràng. Tăng cường bổ sung nhân sự có chất lượng đồng thời đào tạo nhân lực theo định hướng công việc của công ty;

4. Các giải pháp thực hiện kế hoạch SXKD năm 2020

4.1 Công tác triển khai các hợp đồng/dự án

- Tập trung nguồn lực, tổ chức thực hiện quyết liệt để hoàn thành các hợp đồng/dự án đang triển khai đúng tiến độ, chất lượng, nâng cao uy tín với khách hàng, đặc biệt nâng cao chất lượng dịch vụ của hợp đồng dịch vụ thương xuyên với Tập đoàn dầu khí Việt Nam;
- Quản trị chặt chẽ chi phí, giảm giá vốn hàng bán, dịch vụ, nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh;

4.2 Công tác phát triển thị trường, marketing

- Tập trung Marketing, xúc tiến thực hiện các hợp đồng thương mại: Cung cấp hàng hóa, thiết bị, Licence phần mềm, dịch vụ kèm theo trong lĩnh vực công nghệ thông tin, viễn thông và tự động hóa. Bám sát kế hoạch triển khai các dự án của các đối tác khách hàng lớn như PVN, BSR, EVN, đặc biệt là nhóm khách hàng thuộc Tập đoàn Sovico holdings.
- Tiếp tục duy trì, đẩy mạnh các công việc Marketing đang triển khai trong năm 2019, mở rộng phạm vi ra các công việc, khách hàng địa bàn có tính khả thi cao như các công ty Điện lực, Nhà máy Lọc-Hóa dầu Nghi Sơn, PV Oil Thái Bình...

- Xây dựng cơ sở dữ liệu khách hàng, đối tác, nhà cung cấp chung cho toàn công ty. Quản lý thông tin các hợp đồng, dự án đã thực hiện một cách khoa học, đầy đủ, chính xác để phục vụ cho các dự án, hợp đồng tiếp theo.
- Phát huy mọi nguồn lực để nâng cao năng lực cạnh tranh, nâng cao uy tín của PAIC đối với các đơn vị đối tác trong và ngoài ngành. Nâng cao chất lượng, tiết kiệm chi phí và mở rộng việc tìm kiếm các hợp đồng mới.
- Đẩy mạnh công tác xúc tiến thương mại mảng điện toán đám mây (Cloud computing), để dần triển khai một số đơn vị đang hợp tác, tạo tiền đề mở rộng thị trường trong tương lai
- Gắn liền công tác marketing với công tác bảo hành, hỗ trợ khách hàng sau triển khai.

4.3 Công tác quản trị, tổ chức, nhân lực

- Tăng cường bổ sung nhân sự có chất lượng, đồng thời đào tạo nhân lực theo định hướng công việc của công ty.
- Xây dựng cơ chế lương, thưởng theo hiệu quả SXKD để khuyến khích người lao động và thu hút, giữ chân nguồn lao động có trình độ chuyên môn cao. Kết hợp với đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực để nâng cao chất lượng dịch vụ của PAIC;
- Áp dụng và hoàn thiện các hệ thống quản lý chất lượng: duy trì hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001:2015 và hệ thống an toàn bảo mật thông tin ISO 27001:2013 để chuẩn hóa môi trường và văn hóa làm việc chuyên nghiệp trong toàn Công ty.

4.4 Công tác tài chính

- Thực hiện tốt quy chế quản lý công nợ, tập trung tìm các biện pháp để xử lý công nợ xấu còn tồn đọng từ các năm trước để lại, hạn chế tối đa việc phát sinh các khoản nợ xấu.
- Sử dụng vốn điều lệ và các nguồn vốn khác đúng mục đích, linh động, đảm bảo hiệu quả kinh tế.

C - KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

- Đề nghị các cổ đông hỗ trợ đề Công ty tiếp cận, mở rộng và phát triển với các khách hàng bên ngoài Tập đoàn Dầu khí Việt Nam, đặc biệt là nhóm khách hàng thuộc Tập đoàn Sovico Holdings.
- Đề nghị các cổ đông hỗ trợ để Công ty tiếp cận, hợp tác với các đối tác là các hãng sản xuất và cung cấp hàng hóa, dịch vụ trong và ngoài nước để Công ty có những hướng đi mới và chủ động trong việc triển khai các dự án, giảm thiểu chi phí đầu vào để có khả năng tham gia vào các dự án lớn hơn, qua đó giảm bớt sự ảnh hưởng và phụ thuộc của kế hoạch SXKD của Công ty vào Hợp đồng cung cấp dịch vụ thường xuyên với PVN.

Nơi nhận:

- HDQT;
- Late; VT, HDQT, KTKH (03b);



Nguyễn Việt Anh^{11/13}

Phụ lục 01:

Bảng tổng hợp các hợp đồng, các cơ hội dự án thực hiện năm 2020

(Kèm theo báo cáo hoạt động SXKD số 122/PAIC-KT-KH ngày 26/3/2020)

Đơn vị tính: Tr. đồng

TT	Khách hàng	Nội dung công việc	Giá trị hợp đồng/ dự toán	Ghi chú
I	PHÒNG GIẢI PHÁP PHẦN MỀM		10.970	
1	PVN	Vận hành bảo trì các phần mềm tác nghiệp PVN theo HĐTX	3.000	
2	PVN	Nâng cấp hệ thống IntraWeb Tập đoàn	290	
3	VPI	Xây dựng hệ thống CSDL quản lý các nhà máy điện PVN	810	
4	PVN	Nâng cấp CSDL Thi đua khen thưởng PVN	270	
5	PVN	Xây dựng bổ sung module quản trị rủi ro An toàn Sức khỏe Môi trường vào hệ thống phần mềm cơ sở dữ liệu An toàn Sức khỏe Môi trường của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam và triển khai ứng dụng trên các thiết bị di động	3.600	
6	PVN	Nâng cấp năng lực ứng cứu tình huống khẩn cấp cho Hệ thống Văn phòng trực tình huống khẩn cấp của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam – Giai đoạn 2	3.000	
II	PHÒNG DVVH&BD		40.100	
1	PNN	HĐTX Vận hành và bảo trì hệ thống CNTT cho PVN	29.500	Giá trị thực hiện từ 28-29,5 tỷ/1 năm
2	PNN	Hợp đồng hạ tầng CNTT	8.400	
3	PVN	Thực hiện cung cấp thiết bị CNTT, Photocopy	1.500	
4	PVN	Tổ hội nghị trực tuyến và các sự kiện lớn cho Tập đoàn	200	
5	PVEP	Cung cấp thiết bị CNTT	500	
III	CHI NHÁNH HỒ CHÍ MINH		24.630	
1	BSR	Thuê dịch vụ xây dựng phiên bản chạy trên nền tảng di động hệ thống iDOC	1.480	Dang nghiệm thu
2	PVEP HCM	IT Support	180	

3	PQPOC	IT Support	450	
4	SWPOC	Renew SSL Certificate	160	
5	SWPOC	Renew Checkpoint Lic	600	
6	PVD	Cung cấp storage và server	1.600	
7	VSP	Các đơn hàng của VSP	3.000	
8	BSR	Các đơn hàng của BSR	5.000	
9	PPS	Cung cấp thiết bị CNTT	3.000	
10	PVTrans	Cung cấp thiết bị CNTT	1.000	
11	PVOil	Cung cấp thiết bị CNTT	1.000	
12	SCTV	Đầu tư wireless router	7.160	Đã trúng thầu
IV	PHÒNG TĐH&GPHT		22.081	
1	NGS	Cung cấp thiết bị hãng Dell	6.231	Đang NT thanh toán
2	EVNHANOI ITC	Mua sắm và lắp đặt hệ thống Camera	500	
3	PVEP	Mua sắm thiết bị PC workstation	3.500	
4	Pvoil	Trụ sở làm việc Pvoil Thái Bình	4.000	
5	EVNHANOI	Gia hạn license phần mềm Web Protect	250	
6	EVNHANOI	Gia hạn license phần mềm Symantec	600	
7	EVN HẢI PHÒNG	Mua sắm và lắp đặt hệ thống Camera	3.000	Đang triển khai thiết kế
8	EVN,BSR	Cơ hội khác	4.000	
V	IBS VÀ KÊNH TRUYỀN PVC		1.092	
1	VNPT, Vietel	Kênh truyền PVC+IBS	1.092	
	TỔNG CỘNG		98.873	

**CÔNG TY CỔ PHẦN
CÔNG NGHỆ THÔNG TIN, VIỄN THÔNG
VÀ TỰ ĐỘNG HOÁ DẦU KHÍ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 106 /TTr-PAIC

Hà Nội, ngày 16 tháng 03 năm 2020

TỜ TRÌNH

**Về kết quả trả thù lao cho thành viên HĐQT/BKS không chuyên trách,
Thư ký HĐQT Công ty năm 2019 và phương án chi trả thù lao cho thành
viên HĐQT/BKS không chuyên trách, Thư ký HĐQT Công ty năm 2020**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty PAIC

Căn cứ Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội nước Cộng
hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Công nghệ
thông tin, Viễn thông và Tự động hoá Dầu khí;

Căn cứ Nghị quyết số 147/NQ-PAIC-ĐHĐCĐ ngày 22 tháng 04 năm
2019 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 Công ty PAIC;

Căn cứ kế hoạch SXKD năm 2020 của Công ty PAIC.

Công ty Cổ phần Công nghệ thông tin, Viễn thông và Tự động hoá Dầu
khí kính trình Đại hội đồng cổ đông kết quả chi trả trả thù lao cho thành viên
HĐQT/BKS không chuyên trách, Thư ký HĐQT Công ty năm 2019 và phương
án trả thù lao cho thành viên HĐQT/BKS không chuyên trách, Thư ký HĐQT
năm 2020 như sau:

1. Năm 2019:

STT	Chức danh	Mức thù lao đã thông qua tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2018			Thực hiện (đã chi trả) (đ)
		Mức thù lao tháng (đ)	Số người	Thành tiền (đ)	
1	Chủ tịch HĐQT không chuyên trách	3.000.000	1	36.000.000	36.000.000
2	Thành viên HĐQT không chuyên trách	2.000.000	5	120.000.000	120.000.000
3	Thành viên BKS không chuyên trách	1.000.000	2	24.000.000	24.000.000
4	Thư ký HĐQT	1.000.000	1	12.000.000	12.000.000
	Cộng		9	192.000.000	192.000.000

2. Năm 2020

Dự kiến mức chi trả thù lao cho thành viên HĐQT/BKS không chuyên trách và Thư ký HĐQT Công ty bằng mức chi trả năm 2019, cụ thể như sau:

- Chủ tịch HĐQT không chuyên trách : 3.000.000 đồng/người/tháng
- Thành viên HĐQT không chuyên trách : 2.000.000 đồng/người/tháng
- Thành viên BKS không chuyên trách : 1.000.000 đồng/người/tháng
- Thư ký HĐQT Công ty : 1.000.000 đồng/người/tháng

Thù lao trả cho thành viên HĐQT/BKS không chuyên trách và Thư ký HĐQT Công ty được trả vào cuối mỗi Quý.

Đối với thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát chuyên trách được trả lương theo Quy chế trả lương, trả thưởng hiện hành của Công ty.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua.

Trân trọng!

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VT, TCHC.

GIÁM ĐỐC



Nguyễn Việt Anh

Số: 99 /PAIC - T.Tr

Hà Nội, ngày 13 tháng 3 năm 2020

TỜ TRÌNH

(V/v: Phân phối lợi nhuận Công ty PAIC năm 2019)

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty PAIC

Căn cứ Điều lệ Công ty CP Công nghệ thông tin, Viễn thông và Tự động hóa Dầu khí đã được thông qua tại Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất họp ngày 25 tháng 12 năm 2008.

Căn cứ Quy chế quản lý Tài chính Công ty CP Công nghệ thông tin, Viễn thông và Tự động hóa Dầu khí.

Căn cứ Nghị quyết số 147/NQ-PAIC-ĐHĐCĐ ngày 22 tháng 4 năm 2019 đã thông qua kế hoạch SXKD năm 2019 của Công ty.

Giám đốc kính trình Đại hội đồng cổ đông Công ty về việc phân phối lợi nhuận Công ty PAIC năm 2019 như sau:

STT	Nội dung	DVT	Lợi nhuận phân phối năm 2019
I	Lợi nhuận sau thuế lũy kế đến 2019	đồng	2.342.361.877
1	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến hết 2018	đồng	77.104.496
2	Lợi nhuận sau thuế 2019	đồng	2.265.257.381
II	Phân phối lợi nhuận	đồng	1.920.641.738
1	Quỹ khen thưởng phúc lợi (10% LNST 2019)	đồng	226.525.738
2	Chia cổ tức (4%)	đồng	1.694.116.000
III	Lợi nhuận chưa phân phối chuyển năm sau	đồng	421.720.139

Kính đề nghị Đại hội đồng cổ đông Công ty xem xét, chấp thuận.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, TCKT



Nguyễn Việt Anh



**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ THÔNG TIN, VIỄN THÔNG VÀ
TỰ ĐỘNG HÓA DẦU KHÍ**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2019



Hà Nội, tháng 03 năm 2020

K + M.S.O.M.

TABLE 1. *Continued*

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 - 4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	5 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	9 - 30

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Công nghệ thông tin, Viễn thông và Tự động hóa Dầu khí (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Bà Đỗ Thị Bích Hà	Chủ tịch	
Ông Nguyễn Việt Anh	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 22/04/2019
Ông Vũ Quốc Anh	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 10/08/2018
Ông Nguyễn Xuân Hưng	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 22/04/2019
Ông Nguyễn Quang Trung	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 22/04/2019
Ông Vũ Quang Dũng	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 22/04/2019
Ông Phạm Hùng Anh	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 22/04/2019
Bà Lê Ngọc Diệp	Thành viên	

Ban Giám đốc

Ông Nguyễn Việt Anh	Giám đốc	Tái bổ nhiệm ngày 20/09/2019
Ông Đào Việt Phương	Phó Giám đốc	

Người đại diện của Công ty trong năm và cho đến ngày lập báo cáo này là:

Ông Nguyễn Việt Anh Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hàng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập các báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ THÔNG TIN, VIỄN THÔNG VÀ TỰ ĐỘNG HÓA DẦU KHÍ
Tầng 17, tòa nhà ICON4, số 243A Đê La Thành, quận Đống Đa, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính,

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



Nguyễn Việt Anh
Giám đốc
Hà Nội, ngày 05 tháng 03 năm 2020

THÀNH PHẦN
1/1



Số: 059 /VACO/BCKIT.NV2

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Công nghệ thông tin, Viễn thông và Tự động hóa Dầu khí

Chúng tôi kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Công nghệ Thông tin, Viễn thông và Tự động hóa Dầu khí (gọi tắt là "Công ty") được lập ngày 05 tháng 03 năm 2020 từ trang 05 đến trang 30, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Như trình bày tại Thuyết minh số 8 phần Thuyết minh báo cáo tài chính, số dư khoản mục "Phải thu ngắn hạn khác" trên Bảng Cân đối Kế toán tại ngày 31/12/2019 bao gồm khoản phải thu ngắn hạn khác với số tiền là 1.646.068.395 VND đã quá hạn thanh toán. Ban Giám đốc Công ty đã đánh giá thận trọng và tin tưởng có thể thu hồi được giá trị khoản phải thu ngắn hạn khác đã quá hạn nói trên và không trích lập dự phòng phải thu khó đòi đối với các khoản phải thu ngắn hạn khác. Chúng tôi không thể thu thập được các bằng chứng về khả năng thu hồi đối với các khoản phải thu này. Do đó, chúng tôi không thể xác định được liệu có cần thiết phải điều chỉnh khoản phải thu ngắn hạn khác và khoản dự phòng cần trích lập hay không.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP THEO)

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn "Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ", báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Lê Xuân Thắng
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CN ĐKHN Kiểm toán số: 0043-2016-156-1
Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VACO
Hà Nội, ngày 05 tháng 03 năm 2020

Nguyễn Phương Lan
Kiểm toán viên
Giấy CN ĐKHN Kiểm toán số: 0917-2018-156-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		73.518.502.900	70.565.735.590
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	6.807.669.087	18.613.762.563
1. Tiền	111		1.272.002.908	4.696.337.905
2. Các khoản tương đương tiền	112		5.535.666.179	13.917.424.658
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5	29.311.890.411	19.900.000.000
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		29.311.890.411	19.900.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		36.899.253.892	28.925.973.674
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	34.653.824.995	27.291.939.096
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	980.349.581	1.422.945.260
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	8	3.920.236.049	3.115.600.949
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	9	(2.655.156.733)	(2.904.511.631)
IV. Hàng tồn kho	140	10	112.354.546	2.041.883.092
1. Hàng tồn kho	141		112.354.546	2.041.883.092
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		387.334.964	1.084.116.261
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	11	311.411.883	266.453.142
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	251.402.338
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		75.923.081	566.260.781
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		9.305.078.762	21.629.073.243
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		9.003.627.160	19.450.300.480
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211	6	8.972.453.160	18.684.060.120
2. Phải thu dài hạn khác	216	8	31.174.000	766.240.360
II. Tài sản cố định	220		264.847.330	153.344.657
1. Tài sản cố định hữu hình	221	12	264.847.330	153.344.657
- Nguyên giá	222		6.474.966.612	6.185.131.612
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(6.210.119.282)	(6.031.786.955)
2. Tài sản cố định vô hình	227	13	-	-
- Nguyên giá	228		278.663.000	278.663.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(278.663.000)	(278.663.000)
III. Tài sản dở dang dài hạn	240	14	-	1.549.572.606
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	1.549.572.606
IV. Tài sản dài hạn khác	260		36.604.272	475.855.500
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	11	36.604.272	475.855.500
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		82.823.581.662	92.194.808.833

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ THÔNG TIN,
VIỄN THÔNG VÀ TỰ ĐỘNG HÓA DẦU KHÍ**
Tầng 17, tòa nhà ICON4, số 243A Đê La Thành,
Quận Đống Đa, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Mẫu số B 01 - DN
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	TM	Số cuối năm	Số đầu năm
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		36.911.013.598	47.612.828.382
I. Nợ ngắn hạn	310		28.118.009.500	29.302.449.464
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	16	23.340.035.060	23.141.263.472
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	15	827.000.000	2.394.152.360
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	14	735.286.561	435.867.156
4. Phải trả người lao động	314		1.470.686.999	1.374.621.181
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	17	495.100.000	518.100.000
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		36.759.424	10.771.200
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	18	1.167.564.011	1.379.258.418
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		45.577.445	48.415.677
II. Nợ dài hạn	330		8.793.004.098	18.310.378.918
1. Phải trả người bán dài hạn	331		8.793.004.098	18.310.378.918
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	19	45.912.568.064	44.581.980.451
I. Vốn chủ sở hữu	410		45.912.568.064	44.581.980.451
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		42.352.900.000	42.352.900.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		42.352.900.000	42.352.900.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		768.706.048	768.706.048
3. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		448.600.139	448.600.139
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		2.342.361.877	1.011.774.264
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối (Lỗ) lũy kế đến cuối năm trước	421a		77.104.496	135.656.582
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối (Lỗ) năm nay	421b		2.265.257.381	876.117.682
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		82.823.581.662	92.194.808.833



Nguyễn Việt Anh
Giám đốc

Hà Nội, ngày 05 tháng 03 năm 2020

(Signature)

Nguyễn Ngọc Lan
Kế toán trưởng

(Signature)

Nguyễn Trung Kiên
Người lập biểu

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	20	80.323.645.977	94.038.867.287
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10		80.323.645.977	94.038.867.287
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	21	62.963.795.856	76.815.412.520
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		17.359.850.121	17.223.454.767
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	23	2.191.816.988	1.935.419.961
7. Chi phí bán hàng	25	26	1.312.517.110	1.570.790.483
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	26	13.755.329.347	14.076.542.961
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + (21 - 22) - 25 - 26)	30		4.483.820.652	3.511.541.284
10. Thu nhập khác	31	24	595.277.222	2.058.498
11. Chi phí khác	32	25	1.669.708.464	1.777.714.553
12. Lỗ khác (40 = 31 - 32)	40		(1.074.431.242)	(1.775.656.055)
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		3.409.389.410	1.735.885.229
14. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	27	1.144.132.029	859.767.547
15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51)	60		2.265.257.381	876.117.682
16. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	28	535	186



Nguyễn Việt Anh
Giám đốc

Hà Nội, ngày 03 tháng 03 năm 2020

Nguyễn Ngọc Lan
Kế toán trưởng

Nguyễn Trung Kiên
Người lập biểu

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ THÔNG TIN,
VIỄN THÔNG VÀ TỰ ĐỘNG HÓA ĐẦU KHÍ**
Tầng 17, tòa nhà ICON4, số 243A Đê La Thành,
Quận Đống Đa, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Mẫu số B 03 - DN
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	2.265.257.381	1.735.885.229
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	178.332.327	263.832.120
Các khoản dự phòng	03	(249.354.898)	1.040.101.498
(Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(2.191.816.988)	(1.935.419.961)
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	2.417.822	1.104.398.886
(Tăng)/giảm các khoản phải thu	09	5.369.509.320	(28.825.816.118)
(Tăng)/giảm hàng tồn kho	10	1.929.528.546	(1.884.854.857)
Tăng/(giảm) các khoản phải trả (không bao gồm lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(9.501.698.246)	31.945.238.702
(Tăng)/giảm chi phí trả trước	12	394.292.487	697.886.274
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(848.882.456)	(988.663.841)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(90.450.000)	(106.100.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(2.745.282.527)	1.942.089.046
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	(224.935.000)	-
2. Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23	(9.411.890.411)	-
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	1.771.468.312	1.935.670.599
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(7.865.357.099)	1.935.670.599
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	-	(2.000.000.000)
2. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(1.195.453.850)	(158.016.900)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(1.195.453.850)	(2.158.016.900)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50	(11.806.093.476)	1.719.742.745
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60	18.613.762.563	16.894.019.818
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61)	70	6.807.669.087	18.613.762.563



Nguyễn Việt Anh
Giám đốc

Hà Nội, ngày 05 tháng 03 năm 2020

Nguyễn Ngọc Lan
Kế toán trưởng

Nguyễn Trung Kiên
Người lập biểu

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Công nghệ Thông tin, Viễn thông và Tự động hóa Dầu khí (gọi tắt là "Công ty") được thành lập theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103035042 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 16 tháng 02 năm 2009, thay đổi lần thứ chín ngày 25 tháng 09 năm 2014.

Công ty mẹ của Công ty là Công ty Cổ phần Thương mại Dầu khí.

Tư sở chính của Công ty tại: Tầng 17, tòa nhà ICON4, số 243A Đê La Thành, quận Đống Đa, Hà Nội.

Vốn điều lệ của Công ty là 42.352.900.000 VND.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 là 75 người (Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 là 84 người).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Hoạt động chính của Công ty bao gồm:

- Nghiên cứu và phát triển thực nghiệm khoa học tự nhiên và kỹ thuật;
- Sửa chữa thiết bị điện;
- Lắp đặt hệ thống điện;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác. Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện);
- Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh. Chi tiết: Mua bán, cung cấp thiết bị trong các lĩnh vực công nghệ thông tin, viễn thông và tự động hóa, bao gồm: Máy tính, mạng máy tính, thiết bị viễn thông, thiết bị truyền thông (âm thanh, ánh sáng, camera);
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa phân vào đầu. Chi tiết: Mua bán, cung cấp, xây dựng các thiết bị, linh kiện điện tử, các thiết bị đo lường, điều khiển, các hệ thống giải pháp tự động hóa, các hệ thống, thiết bị điện lạnh, điện nhẹ, giám sát, cảnh báo, báo cháy nổ, chống sét, phòng và chữa cháy;
- Sửa chữa thiết bị khác. Chi tiết: Bảo trì, bảo dưỡng, sửa chữa thiết bị, hỗ trợ vận hành trong các lĩnh vực công nghệ thông tin, viễn thông và tự động hóa, bao gồm: máy tính, mạng máy tính, thiết bị viễn thông, thiết bị truyền thông (âm thanh, ánh sáng, camera); Các thiết bị, linh kiện điện tử, các thiết bị đo lường, điều khiển, các hệ thống giải pháp tự động hóa, các hệ thống, thiết bị điện lạnh, điện nhẹ, giám sát, cảnh báo, báo cháy nổ, chống sét, phòng và chữa cháy;
- Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác. Chi tiết: Cho thuê thiết bị trong các lĩnh vực công nghệ thông tin, viễn thông và tự động hóa, bao gồm: Máy tính, mạng vi tính, thiết bị viễn thông (âm thanh, ánh sáng, camera), các thiết bị, linh kiện điện tử, các thiết bị đo lường, điều khiển, các hệ thống giải pháp tự động hóa, các hệ thống, thiết bị điện lạnh, điện nhẹ, giám sát, cảnh báo, báo cháy nổ, chống sét, phòng và chữa cháy;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đầu. Chi tiết:
 - Xuất nhập khẩu các mặt hàng thuộc lĩnh vực kinh doanh của Công ty;
 - Sản xuất, chế tạo, lắp ráp các thiết bị thuộc các lĩnh vực công nghệ thông tin, viễn thông và tự động hóa;
 - Nghiên cứu, tư vấn, thiết kế (không bao gồm thiết kế công trình), thẩm tra, tích hợp, đào tạo, cho thuê các trung tâm cơ sở dữ liệu (trừ bất động sản), các trung tâm phục hồi dữ liệu sau thảm họa, cung cấp các dịch vụ của trung tâm cơ sở dữ liệu và dịch vụ phục hồi dữ liệu;
- Dịch vụ thông tin khác chưa được phân vào đầu. Chi tiết:
 - Thiết kế, phát triển, gia công, cung cấp, phân phối, bảo hành, bảo trì, triển khai các sản phẩm và dịch vụ phần mềm;
 - Dịch vụ lưu trữ dữ liệu, cung cấp dịch vụ dữ liệu; tư vấn giải pháp, thiết kế xây dựng (không bao gồm thiết kế công trình), bảo trì hệ thống cơ sở dữ liệu;

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (TIẾP THEO)

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính (Tiếp theo)

- Cung cấp các nội dung, dịch vụ giá trị gia tăng và đại lý kinh doanh các dịch vụ giá trị gia tăng, công nghệ quảng cáo trực tuyến trên các hệ thống công nghệ thông tin và viễn thông;
- Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận. Chi tiết: Nghiên cứu, tư vấn, thiết kế (không bao gồm thiết kế công trình);
- Sản xuất khác chưa phân vào đâu. Chi tiết: Sản xuất, chế tạo, lắp ráp các thiết bị thuộc các lĩnh vực công nghệ thông tin, viễn thông và tự động hóa;
- Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Nghiên cứu, tư vấn, thẩm tra, tích hợp, đào tạo (chỉ hoạt động khi được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép), chuyển giao công nghệ thuộc các lĩnh vực công nghệ thông tin, viễn thông và tự động hóa.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Cấu trúc doanh nghiệp

Công ty có 01 một đơn vị trực thuộc là Chi nhánh tại thành phố Hồ Chí Minh - Công ty Cổ phần Công nghệ Thông tin, Viễn thông và Tự động hóa Dầu khí.

2. NĂM TÀI CHÍNH, CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

Chế độ Kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực Kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực Kế toán và Chế độ Kế toán

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực Kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thống lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Đơn vị trực thuộc tổ chức công tác kế toán riêng, hạch toán phụ thuộc. Báo cáo tài chính của toàn Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp báo cáo tài chính của đơn vị trực thuộc và Văn phòng Công ty. Doanh thu và số dư giữa đơn vị trực thuộc và văn phòng Công ty được loại trừ khi lập báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Đánh giá và ghi nhận theo giá trị hợp lý

Luật Kế toán số 88/2015/HQH13 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII, kỳ họp thứ 10 thông qua ngày 20 tháng 11 năm 2015 có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2017. Theo quy định tại Điều 28 - Đánh giá và ghi nhận theo giá trị hợp lý. Tuy nhiên, đến thời điểm phát hành báo cáo này, chưa có văn bản hướng dẫn trong việc áp dụng đánh giá và ghi nhận theo giá trị hợp lý; Theo đó, Ban Giám đốc đã xem xét và áp dụng như sau:

- Công cụ tài chính được ghi nhận và đánh giá lại theo giá trị hợp lý trên cơ sở giá gốc trừ đi các khoản dự phòng cần trích lập (nếu có) theo quy định hiện hành;*
- Các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá theo tỷ giá giao dịch thực tế;*
- Đối với tài sản và nợ phải trả (ngoài các mục a và b trên đây) Công ty không có cơ sở để xác định được giá trị một cách đáng tin cậy do đó Công ty đang ghi nhận theo giá gốc.*

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản kỳ quỹ.

Công nợ tài chính: ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu bởi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cũng như chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

- Chi phí trả trước dịch vụ bảo hành: Chi phí dịch vụ bảo hành phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong thời gian bảo hành;
- Chi phí sửa chữa cải tạo văn phòng: Chi phí sửa chữa cải tạo văn phòng phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 12 tháng;
- Chi phí thuê văn phòng, mặt bằng: Tiền thuê đất trả trước thể hiện khoản tiền thuê đất đã trả cho diện tích văn phòng, mặt bằng Công ty đang sử dụng. Tiền thuê văn phòng trả trước được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê.
- Chi phí bảo hiểm: Chi phí phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 12 tháng;
- Chi phí trả trước dài hạn khác: Các khoản chi phí trả trước khác bao gồm giá trị bản quyền phục vụ dịch vụ mail hosting được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng trong vòng 3 năm.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao (Tiếp theo)

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Số năm
Máy móc, thiết bị	3 - 5
Phương tiện vận tải	3 - 6
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 - 5

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị phần mềm máy tính và phần mềm quản lý công văn tài liệu được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng trong vòng 2 - 3 năm.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của tài sản này được áp dụng giống như các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty;
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán;
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu: Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Vốn khác của chủ sở hữu: Vốn khác được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu của Công ty bao gồm doanh thu từ bán hàng và cung cấp dịch vụ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Ghi nhận doanh thu (Tiếp theo)

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho cổ đông.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Thuế (Tiếp theo)

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Tiền mặt	305.242.760	236.628.985
Tiền gửi ngân hàng (i)	966.760.148	4.459.708.920
Các khoản tương đương tiền (ii)	5.535.666.179	13.917.424.658
Cộng	6.807.669.087	18.613.762.563

Ghi chú:

- (i) Số dư tại ngày 31/12/2019 bao gồm khoản tiền gửi không kỳ hạn tại Ngân hàng Thương mại TNHH MTV Đại Dương đang bị hạn chế sử dụng với số tiền là 41.022.029 VND (Tại ngày 31/12/2018 là 133.339.670 VND). Ban Giám đốc đánh giá khoản tiền này sẽ sử dụng được trong tương lai khi có những quyết định/hướng dẫn cụ thể của Ngân hàng Nhà nước.
- (ii) Các khoản tương đương tiền các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại các Ngân hàng với kỳ hạn nhỏ hơn hoặc bằng 3 tháng.

5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
	VND	VND	VND	VND
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn				
<i>Ngắn hạn</i>	29.311.890.411	29.311.890.411	19.900.000.000	19.900.000.000
- Tiền gửi có kỳ hạn (i)	29.311.890.411	29.311.890.411	19.900.000.000	19.900.000.000

Ghi chú:

- (i) Tiền gửi có kỳ hạn thể hiện các khoản tiền gửi có kỳ hạn từ 6 đến 12 tháng tại các Ngân hàng Thương mại.

Tại ngày 31/12/2019 bao gồm khoản tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng Thương mại TNHH MTV Đại Dương đang bị hạn chế sử dụng với số tiền là 1.900.000.000 VND (Tại ngày 31/12/2018 là 1.900.000.000 VND). Ban Giám đốc đánh giá khoản tiền này sẽ sử dụng được trong tương lai khi có những quyết định/hướng dẫn cụ thể của Ngân hàng Nhà nước.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ THÔNG TIN,
VIỄN THÔNG VÀ TỰ ĐỘNG HÓA DẦU KHÍ**
Tầng 17, tòa nhà ICON4, số 243A Đê La Thành,
Quận Đống Đa, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Mẫu số B 09 - DN
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
a. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	34.653.824.995	27.291.939.096
Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam	13.689.474.909	3.141.047.949
Công ty TNHH Truyền hình cáp Saigontourist	9.711.606.960	9.563.776.200
Công ty Cổ phần Tích hợp Hệ thống Nam Trường Sơn	6.828.771.477	4.405.187.050
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Hà Nội (i)	1.864.410.134	1.864.410.134
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Vinaconex - PVC (ii)	790.746.600	790.746.600
Các đối tượng khác	1.768.814.915	7.526.771.163
b. Phải thu dài hạn của khách hàng	8.972.453.160	18.684.060.120
Công ty TNHH Truyền hình cáp Saigon Tourist	8.972.453.160	18.684.060.120
Cộng	43.626.278.155	45.975.999.216
<i>Trong đó phải thu khách hàng các bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh số 32)</i>	<i>16.548.290.380</i>	<i>5.258.142.975</i>

Ghi chú:

- (i) Số dư phải thu Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Hà Nội theo Hợp đồng "Nhà máy sản xuất Ethanol nhiên liệu sinh học phía Bắc" là 1.864.410.134 VND và đã quá hạn thanh toán. Công ty đã thực hiện trích lập dự phòng phải thu khó đòi cho khoản phải thu trên với số tiền là 1.864.410.134 VND.
- (ii) Phải thu Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Vinacomex - PVC theo Hợp đồng cung cấp hệ thống điện nhẹ cho Khách sạn Lam Kinh tại ngày 31/12/2019 là 790.746.600 VND đã quá hạn thanh toán. Công ty đã thực hiện trích lập dự phòng phải thu khó đòi cho khoản phải thu trên với số tiền 790.746.600 VND.

7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Trả trước cho người bán ngắn hạn	980.349.581	1.422.945.260
Công ty Cổ phần Giải pháp Thiên Hoàng	420.000.000	-
Công ty TNHH Công nghệ Mai A	231.000.000	-
Công ty TNHH Máy & CN Vật liệu Ngọc Đức	170.349.581	-
Công ty Cổ phần Công nghệ Vĩnh Hưng	-	962.412.000
Các đối tượng khác	159.000.000	460.533.260
Cộng	980.349.581	1.422.945.260

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ THÔNG TIN,
VIỄN THÔNG VÀ TỰ ĐỘNG HÓA DẦU KHÍ
Tầng 17, tòa nhà ICON4, số 243A Đê La Thành,
Quận Đống Đa, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

MẪU SỐ B 09 - DN
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

8. PHẢI THU KHÁC

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
a. Ngắn hạn	3.920.236.049	3.115.600.949
- Ký cược, ký quỹ (i)	735.966.360	900.000
- Tạm ứng	656.088.790	1.070.600.000
- Lãi dự thu	807.154.332	386.805.656
- Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam (ii)	1.646.068.395	1.646.068.395
- Phải thu khác	74.958.172	11.226.898
b. Dài hạn	31.174.000	766.240.360
- Ký cược, ký quỹ (i)	31.174.000	766.240.360
Cộng	3.951.410.049	3.881.841.309

Ghi chú:

- (i) Là các khoản ký quỹ ký cược bảo lãnh thực hiện các hợp đồng và thuê văn phòng.
(ii) Tại ngày 31/12/2019, số dư phải thu Tập đoàn Dầu khí Việt Nam thể hiện số tiền còn phải thu liên quan đến Dự án Pin mặt trời theo Quyết định số 1459/QĐ-DKVN ngày 11/03/2015 là 1.646.068.395 VND, đã quá hạn thanh toán. Ban Giám đốc Công ty đã đánh giá thận trọng và khẳng định vẫn có thể thu hồi được khoản phải thu đã quá hạn nói trên và quyết định không trích lập dự phòng phải thu khó đòi.

9. NỢ XUẤT

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Hà Nội	1.864.410.133	-	1.864.410.133	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Vinaconex - PVC	790.746.600	-	790.746.600	395.373.300
Công ty Cổ phần Xi măng Công Thanh	-	-	1.289.456.395	644.728.197
Cộng	2.655.156.733	-	3.944.613.128	1.040.101.497

10. HÀNG TỒN KHO

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	112.354.546	-	2.041.883.092	-
Cộng	112.354.546	-	2.041.883.092	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ THÔNG TIN,
VIỆN THÔNG VÀ TỰ ĐỘNG HÓA DẦU KHÍ**
Tầng 17, tòa nhà ICON4, số 243A Đê La Thành,
Quận Đống Đa, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Mẫu số B 09 - DN
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

11. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
a. Ngắn hạn	311.411.883	266.453.142
- Chi phí thuê văn phòng;	139.839.120	138.756.960
- Chi phí thuê mặt bằng;	94.307.763	42.189.582
- Chi phí bảo hiểm.	77.265.000	85.506.600
b. Dài hạn	36.604.272	475.855.500
- Chi phí trả trước dịch vụ bảo hành.	36.604.272	475.855.500
Cộng	348.016.155	742.308.642

12. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải	Khác	Cộng
	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ				
Số dư đầu năm	4.510.359.528	1.557.872.728	116.899.356	6.185.131.612
Mua sắm	289.835.000	-	-	289.835.000
Số dư cuối năm	4.800.194.528	1.557.872.728	116.899.356	6.474.966.612
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ				
Số dư đầu năm	4.470.054.265	1.444.833.334	116.899.356	6.031.786.955
Khấu hao trong năm	65.292.933	113.039.394	-	178.332.327
Số dư cuối năm	4.535.347.198	1.557.872.728	116.899.356	6.210.119.282
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại ngày đầu năm	40.305.263	113.039.394	-	163.344.657
Tại ngày cuối năm	264.847.330	-	-	264.847.330

Nguyên giá tài sản cố định đã hết khấu hao đang sử dụng tại ngày cuối năm là 6.113.181.612 VND (Tại ngày đầu năm là 5.434.945.248 VND).

13. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Phần mềm máy tính	Tổng cộng
	VND	VND
NGUYÊN GIÁ		
Số dư đầu năm	278.663.000	278.663.000
Số dư cuối năm	278.663.000	278.663.000
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ		
Số dư đầu năm	278.663.000	278.663.000
Số dư cuối năm	278.663.000	278.663.000
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
Tại ngày đầu năm	-	-
Tại ngày cuối năm	-	-

Nguyên giá tài sản cố định đã hết khấu hao đang sử dụng tại ngày cuối năm là 278.663.000 VND (Tại ngày đầu năm là 278.663.000 VND).

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ THÔNG TIN,
VIỄN THÔNG VÀ TỰ ĐỘNG HÓA DẦU KHÍ**
Tầng 17, tòa nhà ICON4, số 243A Đê La Thành,
Quận Đống Đa, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

MẪU SỐ B 09 - DN
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

14. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số cuối năm
	VND	VND	VND	VND
Các khoản phải trả				
Thuế giá trị gia tăng	-	2.462.153.885	2.462.153.885	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	409.727.799	1.144.132.029	848.882.456	704.977.372
Thuế thu nhập cá nhân	26.139.357	214.967.494	210.797.662	30.309.189
Thuế phí khác	-	11.653.682	11.653.682	-
Cộng	435.867.156	3.832.907.090	3.533.487.685	735.286.561

15. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	827.000.000	2.394.152.360
Công ty Cổ phần Lọc hóa Dầu Bình Sơn	444.000.000	-
Viện Dầu khí Việt Nam	283.500.000	-
Trung tâm kinh doanh VNPT Quảng Ngãi - CN TCT Dịch vụ Viễn thông	-	2.284.788.000
Công ty Cổ phần Hoá dầu và Xơ sợi Dầu khí	50.000.000	50.000.000
CN tại TP.HCM-TCT Thẩm dò Khai thác Dầu khí	49.500.000	59.364.360
Cộng	827.000.000	2.394.152.360
<i>Trong đó người mua trả tiền trước là các bên liên quan (Chỉ tiết tại Thuyết minh số 32)</i>	<i>827.000.000</i>	<i>109.364.360</i>

16. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Số có khả năng trả nợ	Giá gốc	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
a. Các khoản phải trả người bán ngắn hạn	23.340.035.060	23.340.035.060	23.141.263.472	23.141.263.472
Công ty TNHH Nuri Telecom Việt Nam	9.517.374.820	9.517.374.820	9.372.500.675	9.372.500.675
Công ty Cổ phần Đầu tư Lê Bảo Minh	2.563.999.897	2.563.999.897	263.600.000	263.600.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghệ Robo	1.847.560.000	1.847.560.000	-	-
Công ty Cổ phần Bimobile	1.482.000.000	1.482.000.000	-	-
Công ty Cổ phần Phát triển Công nghệ HI Việt Nam	1.295.000.000	1.295.000.000	-	-
Công ty TNHH Đầu tư & Thương mại Song Nhi	1.220.000.000	1.220.000.000	-	-
Công ty Cổ phần Giải pháp Thiên Hoàng	-	-	3.148.588.306	3.148.588.306
Công ty TNHH Phân phối SYNEX FPT	-	-	2.174.964.000	2.174.964.000
Phải trả cho các đối tượng khác	5.414.100.343	5.414.100.343	8.181.610.491	8.181.610.491
b. Các khoản phải trả người bán dài hạn	8.793.004.098	8.793.004.098	18.310.378.918	18.310.378.918
Công ty TNHH Nuri Telecom Việt Nam	8.793.004.098	8.793.004.098	18.310.378.918	18.310.378.918
Cộng	32.133.039.158	32.133.039.158	41.451.642.390	41.451.642.390

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ THÔNG TIN,
VIỆN THÔNG VÀ TỰ ĐỘNG HÓA ĐẦU KHÍ**
Tầng 17, tòa nhà ICON4, số 243A Đê La Thành,
Quận Đống Đa, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

MẪU SỐ B 09 - DN
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

17. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Ngắn hạn	495.100.000	518.100.000
- Trích trước chi phí Dự án Lam Kinh (i);	250.100.000	250.100.000
- Chi phí tư vấn Dự án Cổng Thanh (ii);	150.000.000	150.000.000
- Các khoản trích trước khác.	95.000.000	118.000.000
Cộng	495.100.000	518.100.000

Ghi chú:

- (i) Số dư tại ngày 31/12/2019 là chi phí thi công và chi phí khác chưa được nghiệm thu quyết toán liên quan đến dự án cung cấp lắp đặt hệ thống điện nhẹ phục vụ công trình Khách sạn Lam Kinh Thanh Hóa phát sinh từ năm 2010. Hiện nay dự án đã nghiệm thu đưa vào sử dụng nhưng chủ đầu tư chưa quyết toán tổng thể
- (ii) Số dư tại ngày 31/12/2019 là khoản trích trước chi phí tư vấn liên quan đến dự án cung cấp dịch vụ tư vấn thiết kế hệ thống nước cấp và khí nén thuộc gói thầu CP8, dự án Nhà máy Xi măng Công Thanh - Thanh Hóa với CN dự án dây chuyền 2 Nhà máy Xi măng Công Thanh - Công ty Cổ phần Xi măng Công Thanh. Dự án đã được nghiệm thu tổng thể tháng 9/2017.

18. PHẢI TRẢ KHÁC

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Ngắn hạn	1.167.564.011	1.379.258.418
- Kinh phí công đoàn;	61.126.235	61.270.833
- Bảo hiểm xã hội;	-	9.964.371
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả;	764.174.250	1.090.836.000
- Các khoản phải trả, phải nộp khác.	342.263.526	217.187.214
Cộng	1.167.564.011	1.379.258.418
<i>Trong đó phải trả khác là các bên liên quan</i>	<i>727.203.114</i>	<i>1.033.203.114</i>
<i>(Chi tiết tại Thuyết minh số 32)</i>		

19. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối (Lũy kế)	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	42.352.900.000	693.848.348	448.600.139	1.630.816.083	45.126.164.770
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	876.117.682	876.117.682
Phân phối các quỹ	-	74.857.500	-	(224.572.501)	(149.715.001)
Trả cổ tức	-	-	-	(1.270.587.000)	(1.270.587.000)
Số dư đầu năm nay	42.352.900.000	768.706.848	448.600.139	1.011.774.264	44.581.989.451
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	2.265.257.381	2.265.257.381
Phân phối các quỹ	-	-	-	(87.611.768)	(87.611.768)
Trả cổ tức	-	-	-	(847.058.000)	(847.058.000)
Số dư cuối năm nay	42.352.900.000	768.706.848	448.600.139	2.342.361.877	45.912.568.064

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ THÔNG TIN,
VIỄN THÔNG VÀ TỰ ĐỘNG HÓA DẦU KHÍ**
Tầng 17, tòa nhà ICON4, số 243A Đê La Thành,
Quận Đống Đa, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

MẪU SỐ B 09 - DN
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

19. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP THEO)

Ghi chú:

- (i) Phân phối các quỹ và trả cổ tức theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty số 147/NQ-PAIC-ĐHĐCĐ ngày 22/04/2019, cụ thể:
- Phân phối quỹ khen thưởng, phúc lợi: 87.611.768 VND;
 - Chi trả cổ tức cho cổ đông: 847.058.000 VND.

Chi tiết vốn góp của Chủ sở hữu

Cổ phiếu	Số cuối năm	Số đầu năm
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	4.235.290	4.235.290
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng		
- Cổ phiếu phổ thông	4.235.290	4.235.290
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	4.235.290	4.235.290
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

Vốn điều lệ

Theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103035042 thay đổi lần thứ chín ngày 25/09/2014, vốn điều lệ của Công ty là 42.352.900.000 VND, tương đương 4.235.290 cổ phần (mệnh giá 10.000VND/Cổ phần). Tại ngày 31/12/2019, vốn điều lệ đã được các cổ đông góp đủ như sau:

	Theo Giấy chứng nhận kinh doanh lần 9		Vốn đã góp	
	VND	Tỷ lệ (%)	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Công ty Cổ phần Thương mại Dầu khí	21.960.000.000	51,85%	21.960.000.000	21.960.000.000
Tổng Công ty Kinh doanh Vốn Nhà nước	5.761.200.000	13,60%	5.761.200.000	5.761.200.000
Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam	5.040.000.000	11,90%	5.040.000.000	5.040.000.000
Công ty Cổ phần Chứng khoán Dầu khí	5.018.100.000	11,85%	5.018.100.000	5.018.100.000
Tổng Công ty Phân bón & Hóa chất Dầu khí - CTCP	3.600.000.000	8,50%	3.600.000.000	3.600.000.000
Cổ đông khác	973.600.000	2,30%	973.600.000	973.600.000
Cộng	42.352.900.000	100%	42.352.900.000	42.352.900.000

20. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm nay VND	Năm trước VND
Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	80.323.645.977	94.038.867.287
<u>Trong đó:</u>		
- Doanh thu bán hàng	31.327.616.577	40.228.452.645
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	48.996.029.400	53.810.414.642
<i>Doanh thu với các bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh số 32)</i>	<i>49.321.079.037</i>	<i>42.225.233.733</i>

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ THÔNG TIN,
VIỄN THÔNG VÀ TỰ ĐỘNG HÓA ĐẦU KHÍ
Tầng 17, tòa nhà ICON4, số 243A Đê La Thành,
Quận Đống Đa, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

MẪU SỐ B 09 - DN
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

21. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ ĐÃ CUNG CẤP

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Giá vốn của hàng hóa đã bán	29.949.823.373	39.216.876.363
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	33.013.972.483	37.598.536.157
Cộng	62.963.795.856	76.815.412.520

22. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	211.653.909	296.536.829
Chi phí nhân công	16.128.483.535	15.620.694.332
Chi phí khấu hao tài sản cố định	178.332.327	263.832.120
Chi phí dịch vụ mua ngoài	24.546.744.572	24.430.918.520
Chi phí khác bằng tiền	7.340.698.707	11.593.786.302
Chi phí dự phòng	(249.354.898)	1.040.101.498
Cộng	48.156.558.152	53.245.869.601

23. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	2.191.816.988	1.935.419.961
Cộng	2.191.816.988	1.935.419.961

24. THU NHẬP KHÁC

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Thu nhập từ công nợ không phải thanh toán;	595.225.222	-
Các khoản khác.	52.000	2.058.498
Cộng	595.277.222	2.058.498

25. CHI PHÍ KHÁC

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Phân bổ chi phí dự án Pin mặt trời	1.549.572.606	1.549.572.605
Các khoản khác.	120.135.858	228.141.948
Cộng	1.669.708.464	1.777.714.553

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

26. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm nay VND	Năm trước VND
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm		
- Chi phí nhân viên quản lý;	6.954.627.815	6.859.728.760
- Chi phí đồ dùng văn phòng;	347.023.564	175.419.166
- Chi phí khấu hao;	113.039.394	226.078.788
- Thuế, phí, lệ phí;	38.365.595	34.846.882
- Chi phí dự phòng;	(249.354.898)	1.040.101.498
- Chi phí dịch vụ mua ngoài;	4.792.032.332	3.977.943.705
- Chi phí khác bằng tiền.	1.759.595.545	1.762.424.162
Cộng	13.755.329.347	14.076.542.961
Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong năm		
- Chi phí nhân viên bán hàng;	840.524.208	903.180.202
- Chi phí khấu hao;	40.270.431	37.753.332
- Chi phí dịch vụ mua ngoài;	93.590.107	-
- Chi phí khác bằng tiền.	338.132.364	629.856.949
Cộng	1.312.517.110	1.570.790.483

27. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

Chi phí thuế thu nhập hiện hành trong năm được tính như sau:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lợi nhuận/(ổ) trước thuế	3.409.389.410	1.735.885.229
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế	1.861.708.464	1.969.714.553
<i>Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ</i>	<i>1.861.708.464</i>	<i>1.969.714.553</i>
Thu nhập chịu thuế năm hiện hành	5.271.097.874	3.705.599.782
<i>Thu nhập chịu thuế suất thông thường 20%</i>	<i>1.054.219.575</i>	<i>741.119.956</i>
Điều chỉnh chi phí thuế TNDN năm trước (i)	89.912.454	118.647.591
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	1.144.132.029	859.767.547

Ghi chú:

- (i) Điều chỉnh chi phí thuế TNDN năm trước theo Quyết định số 79349/QĐ-CT-TKT5-XPVPHC của Cục thuế TP. Hà Nội.

28. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm nay VND	Năm trước (Trình bày lại) VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	2.265.257.381	876.117.682
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông (i)	-	87.611.768
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	2.265.257.381	788.505.914
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	4.235.290	4.235.290
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	535	186

Ghi chú:

- (i) Công ty chưa có kế hoạch trích quỹ khen thưởng phúc lợi năm 2019.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ THÔNG TIN,
VIỄN THÔNG VÀ TỰ ĐỘNG HÓA DẦU KHÍ**
Tầng 17, tòa nhà ICON4, số 243A Đê La Thành,
Quận Đống Đa, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

MẪU SỐ B 09 - DN
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

29. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của chủ sở hữu thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn của các cổ đông (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ, lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Hệ số đòn bẩy tài chính

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Các khoản vay	-	-
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	6.807.669.087	18.613.762.563
Nợ thuần	-	-
Vốn chủ sở hữu	45.892.775.140	44.581.980.451
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	-	-

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 4.

Tài sản tài chính của Công ty chủ yếu bao gồm tiền mặt, tiền gửi ở các tổ chức tín dụng, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản đầu tư tài chính khác. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán, chi phí phải trả và các khoản phải trả phải nộp khác.

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND	VND	VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	6.807.669.087	18.613.762.563	6.807.669.087	18.613.762.563
Phải thu khách hàng và phải thu khác	45.902.881.052	48.376.274.154	45.902.881.052	48.376.274.154
Đầu tư tài chính ngắn hạn	29.311.890.411	19.900.000.000	29.311.890.411	19.900.000.000
Cộng	82.022.440.550	86.890.036.717	82.022.440.550	86.890.036.717

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

29. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND	VND	VND
Công nợ tài chính				
Phải trả người bán và phải trả khác	33.300.603.169	42.830.900.808	33.300.603.169	42.830.900.808
Chi phí phải trả	495.100.000	518.100.000	495.100.000	518.100.000
Cộng	33.795.703.169	43.349.000.808	33.795.703.169	43.349.000.808

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2009 ("Thông tư 210") của Bộ Tài chính cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chịu rủi ro thị trường, bao gồm rủi ro về thị trường, tỷ giá, lãi suất, giá hàng hóa, rủi ro tín dụng và các rủi ro về giá khác.

Rủi ro về tỷ giá

Công ty sẽ chịu rủi ro khi có sự biến động về tỷ giá hối đoái liên quan đến các hoạt động kinh doanh của Công ty khi Công ty mua và bán các loại ngoại tệ khác với đồng tiền hạch toán kế toán của Công ty. Công ty quản lý rủi ro tỷ giá thông qua việc xem xét tình hình thị trường hiện tại và dự kiến khi công ty có kế hoạch mua bán ngoại tệ trong tương lai. Công ty chưa sử dụng bất kỳ công cụ tài chính phái sinh để phòng ngừa rủi ro ngoại tệ.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi. Công ty chịu rủi ro khi lãi suất biến động. Rủi ro này sẽ do Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản tiền gửi với lãi suất cố định và lãi suất thả nổi, phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường, theo dõi sự biến động của nền kinh tế trong nước và thế giới để có được các lãi suất có lợi cho Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc một hợp đồng mà khách hàng không thực hiện nghĩa vụ của mình, nên làm cho Công ty bị tổn thất về tài chính. Công ty sẽ chịu rủi ro tín dụng chủ yếu đối với các khoản phải thu từ khách hàng và từ hoạt động tài chính, như tiền gửi ngân hàng.

Đối với các khoản phải thu khách hàng: Công ty quản lý rủi ro đối với các khoản phải thu dựa trên các chính sách, thủ tục kiểm soát cũng như dự phòng nợ phải thu khó đòi. Công ty theo dõi chặt chẽ các khoản phải thu, phân tích tình hình tín dụng của từng khách hàng tại từng thời điểm.

Đối với tiền gửi ngân hàng: Công ty duy thực hiện gửi tiền tại các ngân hàng mà Công ty đánh giá là có uy tín và có quan hệ lâu năm với Công ty.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ THÔNG TIN,
VIỄN THÔNG VÀ TỰ ĐỘNG HÓA DẦU KHÍ**
Tầng 17, tòa nhà ICON4, số 243A Đê La Thành,
Quận Đống Đa, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Mẫu số B 09 - DN
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

29. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tình thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tình thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tình thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày cuối năm				
Tiền và các khoản tương đương tiền	6.807.669.087	-	-	6.807.669.087
Phải thu khách hàng và phải thu khác	36.899.253.892	9.003.627.160	-	45.902.881.052
Đầu tư tài chính ngắn hạn	29.311.890.411	-	-	29.311.890.411
Cộng	73.018.813.390	9.003.627.160	-	82.022.440.550
Phải trả người bán và phải trả khác	24.507.599.071	8.793.004.098	-	33.300.603.169
Chi phí phải trả	495.100.000	-	-	495.100.000
Cộng	25.002.699.071	8.793.004.098	-	33.795.703.169
Chênh lệch thanh khoản thuần	48.016.114.319	210.623.062	-	48.226.737.381

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ THÔNG TIN,
VIỄN THÔNG VÀ TỰ ĐỘNG HÓA DẦU KHÍ**
Tầng 17, tòa nhà ICON4, số 243A Đê La Thành,
Quận Đống Đa, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

MẪU SỐ B 09 - DN
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

29. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Quản lý rủi ro thanh khoản (Tiếp theo)

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày đầu năm				
Tiền và các khoản tương đương tiền	18.613.762.563	-	-	18.613.762.563
Phải thu khách hàng và phải thu khác	28.925.973.674	19.450.300.480	-	48.376.274.154
Đầu tư tài chính ngắn hạn	19.900.000.000		-	19.900.000.000
Cộng	67.439.736.237	19.450.300.480	-	86.890.036.717
Phải trả người bán và phải trả khác	24.520.521.890	18.310.378.918	-	42.830.900.808
Chi phí phải trả	518.100.000	-	-	518.100.000
Cộng	25.038.621.890	18.310.378.918	-	43.349.000.808
Chênh lệch thanh khoản thuần	42.401.114.347	1.139.921.562	-	43.541.035.909

30. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Các khoản thanh toán thuê hoạt động thể hiện:

Tổng số tiền thuê 645 m² văn phòng tại tầng 17, tòa nhà cao ốc văn phòng ICON4, số 243A Đê La Thành, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội với thời hạn thuê 5 năm kể từ ngày 23 tháng 7 năm 2012 theo Hợp đồng thuê văn phòng số 01/HĐ-TTCOM/PAIC, điều chỉnh thành 501 m² từ ngày 01/03/2017 và Phụ lục số 01/PL/HĐ-TTCOM/PAIC ngày 12 tháng 01 năm 2017 với thời hạn thuê đến ngày 22 tháng 07 năm 2020.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ THÔNG TIN,
VIỆN THÔNG VÀ TỰ ĐỘNG HÓA DẦU KHÍ**
Tầng 17, tòa nhà ICON4, số 243A Đê La Thành,
Quận Đống Đa, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Mẫu số B 09 - DN
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

31. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Các bên được xác định là bên liên quan của Công ty trong năm báo gồm:

Bên liên quan

Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam
Công ty Cổ phần Thương mại Dầu Khí (Petechim)
Viện Dầu khí Việt Nam
Công ty Điều hành dầu khí Biển đông
Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam
Công ty Điều hành Đường ống Tây Nam
Chi nhánh Phân phối Sản phẩm Lọc dầu Nghi Sơn
Chi nhánh Tập đoàn - Công ty Điều hành Dầu khí Phú Quốc
Công ty CP Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam
Công ty Dịch vụ Khai thác Dầu khí PTSC
Công ty Cổ phần Du lịch Dầu khí Phương Đông
Tổng công ty Thăm dò Khai thác Dầu khí
Công ty Cổ phần Hoá dầu và Xơ sợi Dầu khí
Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí PVFCCo
Công ty Cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn
Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc

Mối quan hệ

Công ty mẹ Tập đoàn
Công ty mẹ
Thuộc tập đoàn Dầu khí Việt Nam
Thuộc tập đoàn Dầu khí Việt Nam
Thuộc tập đoàn Dầu khí Việt Nam
Thuộc tập đoàn Dầu khí Việt Nam
Thuộc tập đoàn Dầu khí Việt Nam
Thuộc tập đoàn Dầu khí Việt Nam
Thuộc tập đoàn Dầu khí Việt Nam
Thuộc tập đoàn Dầu khí Việt Nam
Thuộc tập đoàn Dầu khí Việt Nam
Công ty con của Tập đoàn
Công ty con của Tập đoàn
Công ty con của Tập đoàn
Công ty con của Tập đoàn
Công ty con của Tập đoàn
Lãnh đạo chủ chốt

Trong năm, Công ty có các nghiệp vụ chủ yếu với các bên liên quan như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Bán hàng	49.321.079.037	42.225.233.733
Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam	44.363.670.941	38.388.481.997
Công ty Điều hành đường ống Tây Nam	1.723.300.000	692.500.000
Công ty Dịch vụ Khai thác Dầu khí PTSC	1.177.200.000	-
Công ty Cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn	693.600.000	-
Công ty Cổ phần Thương mại Dầu Khí (Petechim)	441.113.076	477.872.500
Chi nhánh Tập đoàn - Công ty Điều hành Dầu khí Phú Quốc	438.512.084	928.192.300
Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam	243.267.936	243.267.936
Công ty Cổ phần Hoá dầu và Xơ sợi Dầu khí	44.690.000	-
CN tại HCM - Tổng Công ty Thăm dò Khai thác Dầu khí	179.892.000	179.892.000
Công ty Điều hành Dầu khí Biển đông	15.833.000	60.167.000
Công ty CP Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam	-	12.000.000
Viện Dầu khí Việt Nam	-	930.000.000
Chi nhánh Phân phối Sản phẩm Lọc dầu Nghi Sơn	-	312.860.000
Cổ tức đã trả trong năm	1.018.362.000	158.016.900
Cổ đông	1.018.362.000	158.016.900

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

31. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP THEO)

Công ty có các số dư chủ yếu với các bên liên quan như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Các khoản phải thu khách hàng	16.548.290.380	5.258.142.975
Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam	13.689.474.909	3.141.047.949
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí HN (PVC-HN)	1.864.410.134	1.864.410.134
Công ty Cổ phần Lọc hóa Dầu Bình Sơn	733.271.960	39.671.960
Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam	133.797.364	66.898.682
Tổng công ty Thăm dò Khai thác Dầu khí	82.000.000	-
Chi nhánh Tập đoàn - Công ty Điều hành Dầu khí Phá Quốc	45.336.013	38.160.000
Công ty Điều hành Dầu khí Biển đông	-	60.167.000
Công ty Cổ phần Thương mại Dầu Khí (Petechim)	-	47.787.250
Các khoản khách hàng trả tiền trước	827.000.000	109.364.360
Công ty Cổ phần Lọc hóa Dầu Bình Sơn	444.000.000	-
Viện Dầu khí Việt Nam	283.500.000	-
Công ty Cổ phần Hoá dầu và Xơ sợi Dầu khí	50.000.000	50.000.000
CN tại HCM - Tổng công ty Thăm dò Khai thác Dầu khí	49.500.000	59.364.360
Các khoản phải thu khác	1.646.068.395	1.646.068.395
Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam	1.646.068.395	1.646.068.395
Các khoản phải trả khác	727.203.114	1.033.203.114
Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam	115.203.114	115.203.114
Công ty Cổ phần Thương mại Dầu khí	439.200.000	658.800.000
Công ty CP Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam	100.800.000	151.200.000
Tổng Công ty Phân bón & Hóa chất Dầu khí - CTCP	72.000.000	108.000.000

Thu nhập của HĐQT và Ban Giám đốc

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Thù lao HĐQT không chuyên trách	156.000.000	156.000.000
Lương và các khoản phúc lợi của Ban Giám Đốc	853.786.459	839.397.935
Lương và các khoản phúc lợi của Ban Kiểm soát chuyên trách	523.853.619	336.632.500
Cộng	1.377.640.078	1.176.030.435

32. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Các khoản tiền do Công ty nắm giữ nhưng không được sử dụng

Như trình bày tại Thuyết minh số 4 và 5, tại ngày 31/12/2019, số dư tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và có kỳ hạn bao gồm số tiền lần lượt là 41.022.029 VND và 1.900.000.000 VND là các khoản tiền gửi tại Ngân hàng Thương mại TNHH MTV Đại Dương đang bị hạn chế sử dụng. Ban Giám đốc đánh giá các khoản tiền này sẽ sử dụng được trong tương lai khi có những quyết định/hướng dẫn cụ thể của Ngân hàng Nhà nước.

Lưu chuyển thuần từ hoạt động đầu tư: tiền thu lãi vay chưa thu được trong năm là 807.154.332 VND, vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần tăng, giảm các khoản phải thu;

Lưu chuyển thuần từ hoạt động tài chính: Cổ tức phải trả cho chủ sở hữu chưa trả trong năm là 764.174.250 VND, vì vậy một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần tăng, giảm các khoản phải trả.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ THÔNG TIN,
VIỄN THÔNG VÀ TỰ ĐỘNG HÓA DẦU KHÍ
Tầng 17, tòa nhà ICON4, số 243A Đê La Thành,
Quận Đống Đa, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

MẪU SỐ B 09 - DN
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

33. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN

Công ty thực hiện mua 348,6 m² văn phòng tại tầng 14, Tòa nhà C1 Thành Công, nhà C1, phường Thành Công, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội theo Hợp đồng mua bán sản văn phòng số 001/2020/HĐMBVP ký ngày 03/01/2020 với tổng giá trị 11.358.022.000 đồng. Tiến độ thanh toán chia thành 4 đợt, 95% giá trị hợp đồng sẽ được thanh toán trong năm 2020.

34. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên báo cáo tài chính năm 2018 đã được kiểm toán.



Nguyễn Việt Anh
Giám đốc

Hà Nội, ngày 05 tháng 03 năm 2020

Nguyễn Ngọc Lan
Kế toán trưởng

Nguyễn Trung Kiên
Người lập biểu

Hà Nội, ngày 12 tháng 3 năm 2020

BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT TẠI ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2020

- Căn cứ vào chức năng nhiệm vụ của Ban kiểm soát được quy định tại điều 165 luật doanh nghiệp và điều 34 của Điều lệ Công ty;
- Căn cứ quy chế tổ chức và hoạt động của Ban kiểm soát đã được DHCD Công ty thông qua ngày 21/8/2009.
- Căn cứ vào báo cáo tổng kết tình hình thực hiện kế hoạch SXKD, nhiệm vụ, giải pháp thực hiện kế hoạch 2019 của Giám đốc Công ty.
- Căn cứ vào Báo cáo Tài chính năm 2019 do Công ty lập và đã được Công ty kiểm toán VACO kiểm tra.

Ban Kiểm soát báo cáo kết quả hoạt động năm 2019 như sau:

PHẦN A: HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT 2019

Trong năm 2019, Ban kiểm soát đã thực hiện các nhiệm vụ sau:

+ Kiểm tra, giám sát thường xuyên và định kỳ các hoạt động kinh doanh; công tác quản lý vốn và tài sản; công tác quản trị; công tác điều hành; thẩm định Báo cáo tài chính và các công việc khác theo đúng quyền hạn, trách nhiệm của Ban kiểm soát đã được Đại hội Cổ đông thông qua. Trên cơ sở đó đưa ra các kiến nghị cho HĐQT và Ban điều hành để nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh, hiệu quả sử dụng vốn, kiểm soát rủi ro và nâng cao vai trò, trách nhiệm của HĐQT và Ban điều hành trong công tác quản lý, điều hành.

+ Lập báo cáo kiểm tra, giám sát quý, năm theo quy định của điều lệ và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát.

+ Thực hiện việc kiểm tra kết quả SXKD năm 2018 của Công ty.

+ Xây dựng kế hoạch hoạt động của Ban kiểm soát năm 2019 và đề xuất với Đại hội cổ đông lựa chọn Công ty kiểm toán để kiểm toán Báo cáo Tài chính năm 2019 của PAIC.

+ Phối hợp chặt chẽ với HĐQT và Ban điều hành trong quản lý công nợ, kiểm tra, đôn đốc và cùng xử lý công nợ khó đòi, nợ tạm ứng của CBCNV.

+ Tham gia họp giao ban Công ty, họp HĐQT và các cuộc họp liên quan khác để nắm bắt, giám sát kịp thời tình hình hoạt động của PAIC.

+ Trao đổi thường xuyên với các thành viên Ban kiểm soát về các vấn đề liên quan tới chức năng, nhiệm vụ của Ban kiểm soát. Dưới đây là kết quả hoạt động của Ban kiểm soát trong năm qua:



I. Kiểm tra, giám sát tình hình kinh doanh và thẩm định BCTC năm 2019:

1. Kết quả sản xuất kinh doanh:

- Năm 2019 có doanh số 83,1 tỷ, đạt 87% so với kế hoạch năm, chi phí 79,7 tỷ, lợi nhuận trước thuế đạt 3,41 tỷ, sau thuế đạt 2,27 tỷ đồng, đạt 103% so với kế hoạch năm và bằng 267% so với 2018.

Như vậy, theo kế hoạch của ĐHCĐ giao thì Công ty PAIC năm 2019 không hoàn thành kế hoạch doanh số nhưng hoàn thành chỉ tiêu lợi nhuận. Lý do của việc này như sau:

+ Đã xử lý được công nợ của Công ty Xi măng Công thanh nên đã hoàn được số công nợ đã trích dự phòng và không phải trích tiếp chi phí còn lại của năm 2019 (Khoảng 1,2 tỷ đồng).

+ Chuyển một số khoản phải trả (Khoảng gần 600 triệu) sang các khoản thu nhập khác theo đánh giá của BDH là có cơ sở do các khoản này đã để quá lâu trên BCTC và không ký được xác định nợ với nhà cung cấp.

+ Các hoạt động kinh doanh khác của PAIC năm 2019 diễn ra bình thường. Chỉ phát sinh thêm một số chi phí liên quan đến kiểm tra thuế (khoảng 100 triệu) và chi phí liên quan đến vụ kiện Xi măng công thanh (khoảng 300 triệu).

Chi nhánh HCM có doanh thu 2019 là 8,4 tỷ, chi phí là 9,35 tỷ. Chi nhánh HCM bị lỗ 2019 là gần 1 tỷ đồng.

(Chi tiết kết quả kinh doanh 2019 như phụ lục đính kèm).

2. Thẩm tra Báo cáo tài chính : Qua xem xét sổ sách kế toán và BCTC do Công ty lập, BKS ghi nhận BCTC đã phản ánh trung thực tình hình tài chính tại thời điểm 31/12/2019.

3. Đánh giá kiến nghị của kiểm toán VACO năm 2019: Trên thông báo “Cơ sở của ý kiến ngoại trừ” trong phần Báo cáo của kiểm toán có ý kiến về việc khoản tiền 1,64 tỷ phải thu của PVN.

Về vấn đề này BKS có ý kiến như sau: Số công nợ này là phần còn lại của khoản vốn góp của PVN vào dự án PIN sau khi có quyết toán kinh phí của toàn bộ dự án. Ban điều hành hiện vẫn đang bám sát để thu hồi nốt số tiền trên, tuy nhiên PVN vẫn chưa đồng ý thanh toán với lý do chưa bán được số tài sản, CCDC của dự án cũng như do một số lý do khách quan khác.

BKS đánh giá khoản nợ này vẫn có khả năng thu hồi và chưa cần phải trích dự phòng, BDH vẫn phải kiên trì bám sát để có thể thu hồi được khoản nợ trên.

4. Kiểm tra giám sát tình hình huy động, sử dụng và hiệu quả sử dụng vốn

4.1. Vốn kinh doanh của Công ty tại thời điểm 31/12/2019 là 42,35 tỷ không thay đổi so với năm trước.

4.2. Hiệu quả sử dụng vốn: Về cơ bản, hiệu quả sử dụng vốn ổn định so với thời gian trước, lượng tiền hiện có là 36,1 tỷ đồng. Trong đó: Tiền gửi có kỳ dài hạn (6 tháng trở lên) là 29,3 tỷ. Số còn lại là gửi kỳ hạn ngắn (dưới 3 tháng) tương ứng với 5.5 tỷ. tiền gửi không kỳ hạn khoảng 1 tỷ, tiền mặt tại quỹ là 305 triệu đồng.

4.3. Công tác đầu tư:

+ Dự án sản xuất thử nghiệm Pin mặt trời: số tiền còn lại là 4,64 tỷ đồng được ĐHCĐ năm 2017 phê duyệt xử lý vào chi phí của ba năm (2017, 2018,



2019). Hiện nay, Công ty đã trích đủ toàn bộ các chi phí trên và hiện không còn số dư. Như vậy, dự án PIN đã cơ bản xử lý xong ngoại trừ phần công nợ 1,64 tỷ như đã trình bày ở phần 3.

+ Đối với 02 trạm IBS: Hiện nay các trạm IBS đang hoạt động bình thường.

5. Các rủi ro tiềm ẩn của Công ty:

*** Rủi ro về công nợ:**

1. Công ty Vinaconex-PVC chưa thanh toán được đồng nào 2019. Dư nợ hiện tại 790 triệu đồng. Khả năng khó đòi ngày càng cao, Ban điều hành đã trích lập dự phòng khó đòi 100% cho năm 2019. Đề nghị BĐH tiến hành các thủ tục kiện ra tòa trong năm 2020 để có cơ sở hoàn chỉnh hồ sơ dự án trình HĐQT.

2. Công ty PVC-HN có dư nợ sổ sách 1,86 tỷ. Tuy nhiên, thực tế hàng hóa bán giao tại công trường có giá trị là 224.415 USD (Tương ứng với 4,7 tỷ đồng). Trong năm 2011, PAIC đã viết hóa đơn GTGT 60% giá trị hàng hóa bán giao tương ứng với 2,8 tỷ (Căn cứ theo biên bản hợp dự án Ethanol của TGD PVN). Tuy nhiên, số nợ trên đã không được PVCHN chấp nhận do chưa có biên bản bán giao hàng hóa chính thức được PVCHN xác nhận.

Như vậy, sau khi trừ đi khoản PVC đã tạm ứng là 0,96 tỷ thì số nợ thực tế mà PVC đang nợ PAIC là 3,74 tỷ đồng. Hiện PAIC đã trích lập dự phòng 100% cho khoản phải thu là 1,86 tỷ.

Nợ tạm ứng tại 31/12/2019 là 656 triệu giảm 35% so với số đầu năm 1,03 tỷ. Nguyên nhân CBCNV đã hoàn tạm ứng xử lý công việc.

BKS kiến nghị:

- Đối với dự án Ethanol Phú thọ, đề nghị Ban điều hành bám sát, chủ động đến gặp PVCHN để trước hết là ký được biên bản bán giao hàng hóa chính thức do người có thẩm quyền ký, sau đó ký được biên bản xác nhận công nợ hai bên. Trên cơ sở đó mới tiến hành được các bước tiếp theo.

- Đối với các khoản nợ tạm ứng, đề nghị Ban điều hành có các biện pháp xử lý cụ thể từng trường hợp, xử lý hết các trường hợp cũ và hạn chế để phát sinh các khoản quá hạn mới.

*** Rủi ro về thuế:**

- Đối với các khoản trích trước đã lâu chưa xử lý do dự án chưa hoàn thành, đề nghị BĐH có phương án đánh giá lại xem có cơ sở để hoàn chi phí về không tránh phải xử lý cho đợt kiểm tra thuế lần sau.

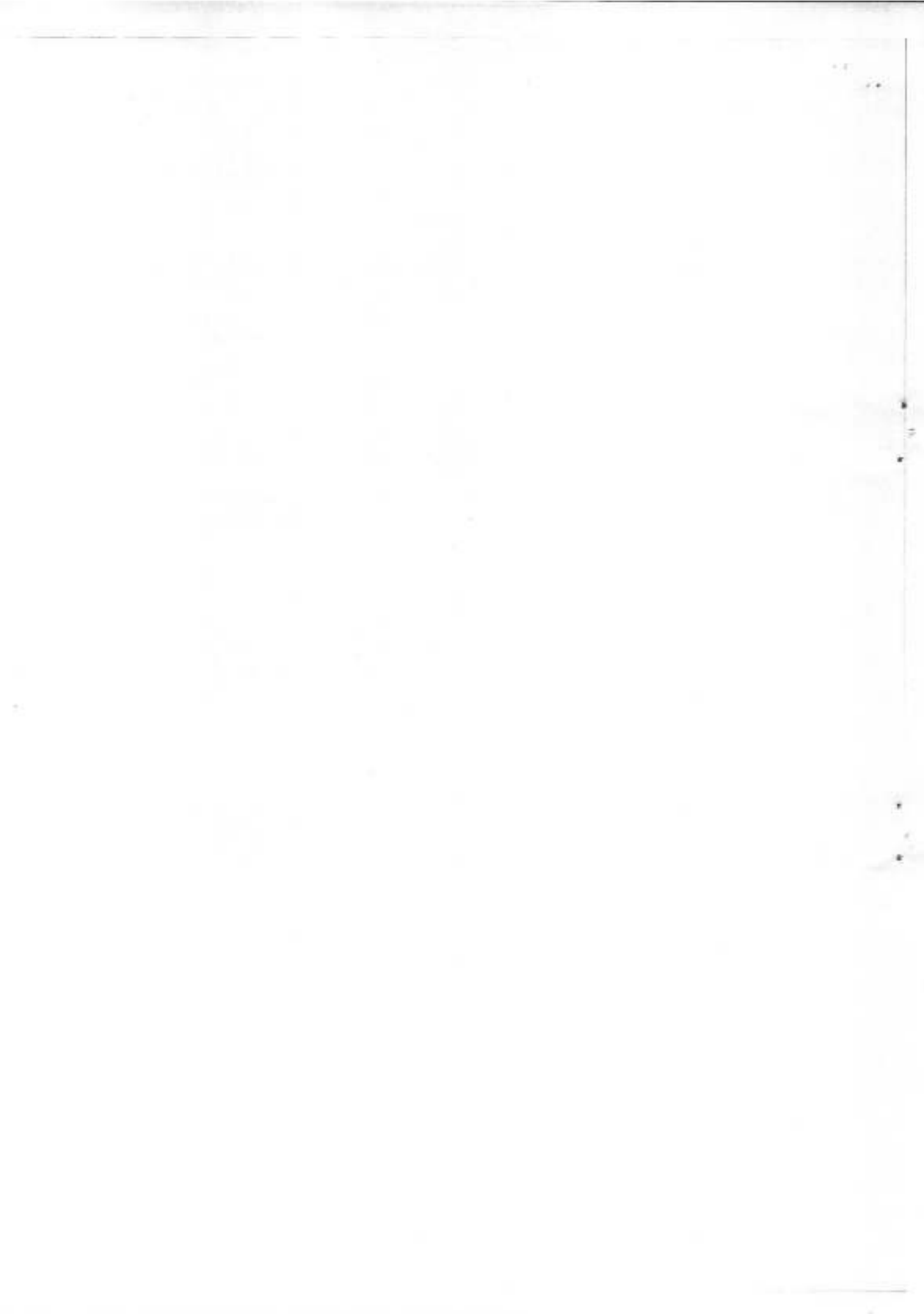
*** Rủi ro về các khoản đầu tư:**

Theo QĐ số 1459/QĐ-DKVN ngày 11/3/2015 V/v quyết toán dự án PIN thì số tiền PVN còn phải trả PAIC là 1,64 tỷ đồng. Tuy nhiên, số tiền này hiện nay đã lâu và khó thu hồi. Đề nghị Ban điều hành kiên trì bám sát PVN để có giải pháp thu hồi số tiền trên.

*** Rủi ro kinh doanh:**

Trong năm 2019 khi ký mới hợp đồng với chủ đầu tư cũng như nhà cung cấp. Công ty không tiến hành thực hiện các bước đánh giá theo quy chế quản lý công nợ đã ban hành. Đề nghị Ban điều hành thực hiện theo đúng quy định để tránh rủi ro về vốn và công nợ có thể xảy ra.

5. Trích lập và sử dụng các quỹ:



Năm 2019, Công ty đã tiến hành trích lập các quỹ sau:

- Quỹ khen thưởng, phúc lợi: Chưa có kế hoạch trích quỹ khen thưởng năm 2019 tại thời điểm lập báo cáo, đã sử dụng quỹ năm 2018 là 88 triệu và dư còn lại năm trước để chi cho CBCNV Công ty là 90 triệu đồng. Số dư còn lại 31/12/2019 là 45 triệu đồng.

- Các quỹ khác: Quỹ Đầu tư phát triển là 768 triệu, quỹ khác thuộc vốn CSH là 448 triệu đồng và chưa sử dụng đến.

6. Tuyển dụng, đào tạo và chính sách đối với người lao động:

- Các chế độ, quyền lợi của người lao động được thực hiện theo quy định của Bộ Luật lao động, điều lệ Công ty. Việc chi trả lương hàng tháng kịp thời, đầy đủ, đã đóng đầy đủ các loại Bảo hiểm bắt buộc cho người lao động.

- Việc thực hiện ký kết hợp đồng lao động giữa người sử dụng lao động và người lao động được thực hiện theo đúng quy định của Nhà nước, Bộ Luật lao động như mua BHXH, BHYT, BH thất nghiệp.

- Tổng quỹ tiền lương và các khoản khác thực hiện 2019 đạt 14,22 tỷ; thu nhập bình quân là 14,6 triệu/người/tháng (Tăng 14% so với mức thu nhập bình quân năm 2018 là 12,7 triệu/người/tháng).

II. Nhận xét, đánh giá công tác quản lý điều hành của HĐQT, Ban Giám đốc

- HĐQT đã quản lý, chỉ đạo điều hành hoạt động của Công ty theo đúng pháp luật, Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty, Nghị quyết của ĐHCĐ, của HĐQT đề ra. Các vấn đề được thảo luận và nghị quyết HĐQT phù hợp với chức năng và quyền hạn của HĐQT.
- Ban Giám đốc đã tổ chức triển khai và thực hiện điều hành hoạt động hàng ngày của Công ty theo đúng chức năng nhiệm vụ và quyền hạn được quy định trong Điều lệ Công ty. Nội dung chỉ đạo điều hành của Ban giám đốc tuân thủ đúng các nghị quyết của ĐHCĐ và nghị quyết HĐQT.

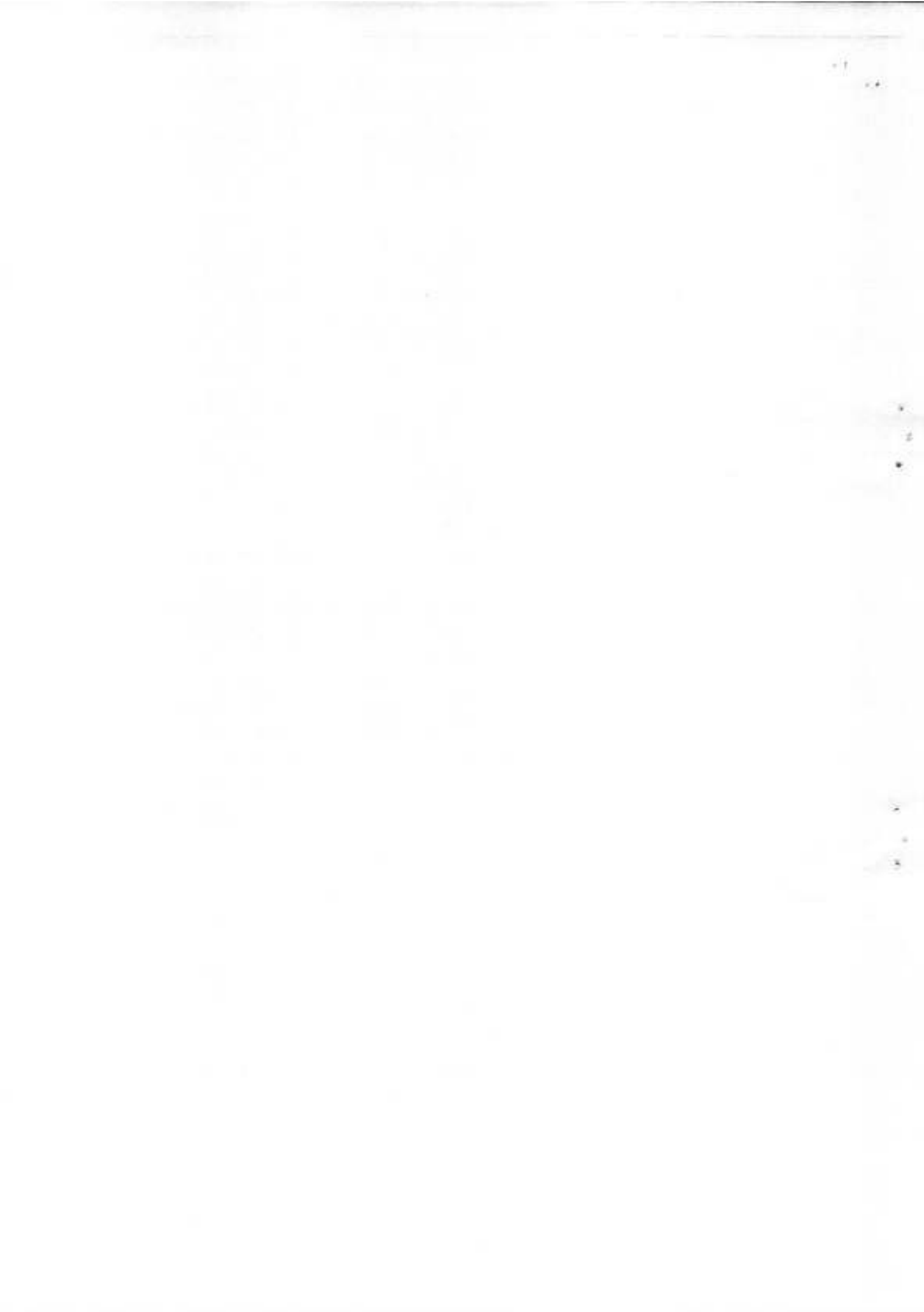
III. Kiến nghị:

Với những nhận xét và đánh giá trên, Ban kiểm soát kiến nghị với HĐQT và Ban điều hành cụ thể như sau:

- Tăng cường công tác tiếp thị khách hàng, đặc biệt là các khách hàng ngoài ngành Dầu khí để từng bước hạn chế sự phụ thuộc vào các đơn vị trong ngành. Nâng cao hiệu quả SXKD bằng cách xử lý dồi dư và bố trí lại lao động cho phù hợp.

- Xây dựng định hướng phát triển Công ty. Xây dựng cơ chế trả lương, trả thưởng theo kết quả lao động tiến tới khoán quỹ lương cho từng bộ phận. Hiện đang triển khai tại Chi nhánh HCM, đề nghị BDH đánh giá lại để xem có mang lại hiệu quả gì không.

- Giải quyết triệt để, hiệu quả các khoản nợ tạm ứng, nợ phải thu quá hạn, các khoản ứng trước và các khoản đầu tư không hiệu quả để giảm thất thoát vốn.



PHẦN B: KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2020

I. Nhiệm vụ chung:

- Ban kiểm soát sẽ đẩy mạnh việc thực hiện nhiệm vụ thay mặt cổ đông kiểm soát hoạt động SXKD, quản lý và điều hành của Công ty theo đúng chức năng, nhiệm vụ.

- Ngoài ra, nếu có dấu hiệu vi phạm chế độ và điều lệ Công ty, Ban kiểm soát kịp thời thông báo tới HĐQT, Ban Giám đốc và báo cáo ĐHCĐ để quyết định.

II. Nhiệm vụ cụ thể:

1. Sáu tháng đầu năm:

- Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát 2019 theo điều lệ Công ty trước ĐHCĐ thường niên 2020; lựa chọn đơn vị kiểm toán trình ĐHCĐ phê duyệt.

- Thẩm định báo cáo kết quả SXKD, Báo cáo Tài chính hàng quý.

- Kiểm tra kết quả SXKD năm 2019 trước khi tổ chức ĐHCĐ thường niên.

- Giám sát việc tổ chức hoạt động SXKD và thực hiện nhiệm vụ quản lý, điều hành của HĐQT, Ban Giám đốc Công ty.

- Giám sát việc chấp hành các quy định của Nhà nước, việc thực hiện Nghị quyết của HĐQT và ĐHCĐ, giám sát việc ban hành và tuân thủ các định mức, các quy trình, quy chế quản lý nội bộ của Công ty.

2. Sáu tháng cuối năm:

- Thẩm định báo cáo kết quả SXKD, Báo cáo Tài chính 2020.

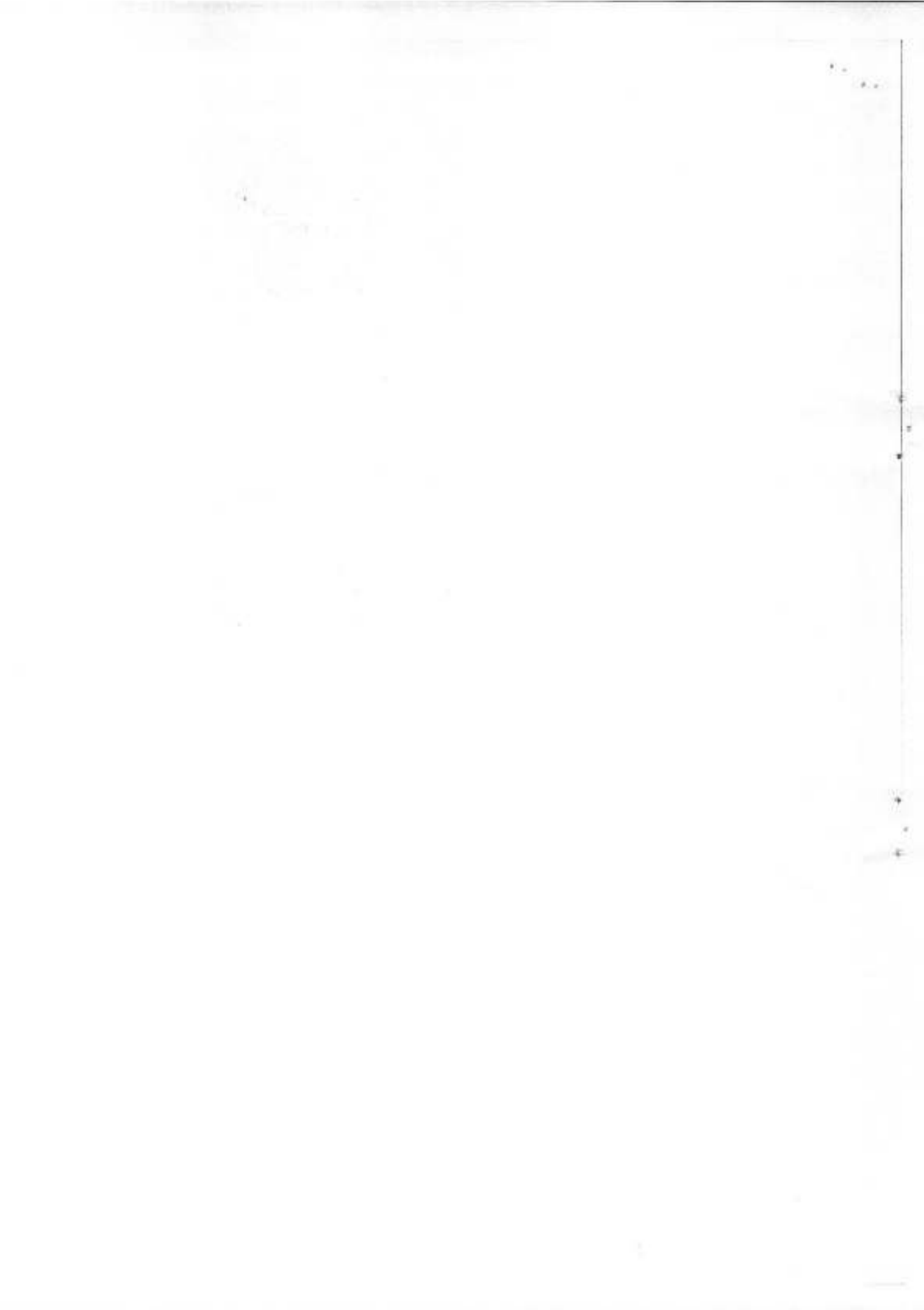
- Kiểm tra, giám sát quá trình chuẩn bị, triển khai và quyết toán các dự án đầu tư năm 2020; hiệu quả thực hiện các hợp đồng kinh tế. Kiểm tra công tác thu hồi vốn, công nợ và kiểm soát rủi ro của Công ty. Kiểm tra việc huy động, sử dụng, phân phối các nguồn lực của Doanh nghiệp bao gồm: Tài sản, vật tư hàng hóa, tiền vốn, lao động, doanh thu, lợi nhuận.

- Giám sát việc tổ chức hoạt động SXKD và thực hiện nhiệm vụ quản lý, điều hành của HĐQT và Ban Giám đốc Công ty.

- Giám sát việc chấp hành các quy định pháp luật nhà nước, việc thực hiện nghị quyết của ĐHCĐ và HĐQT. Giám sát việc ban hành và tuân thủ định mức, các quy trình, quy chế quản lý nội bộ của Công ty.

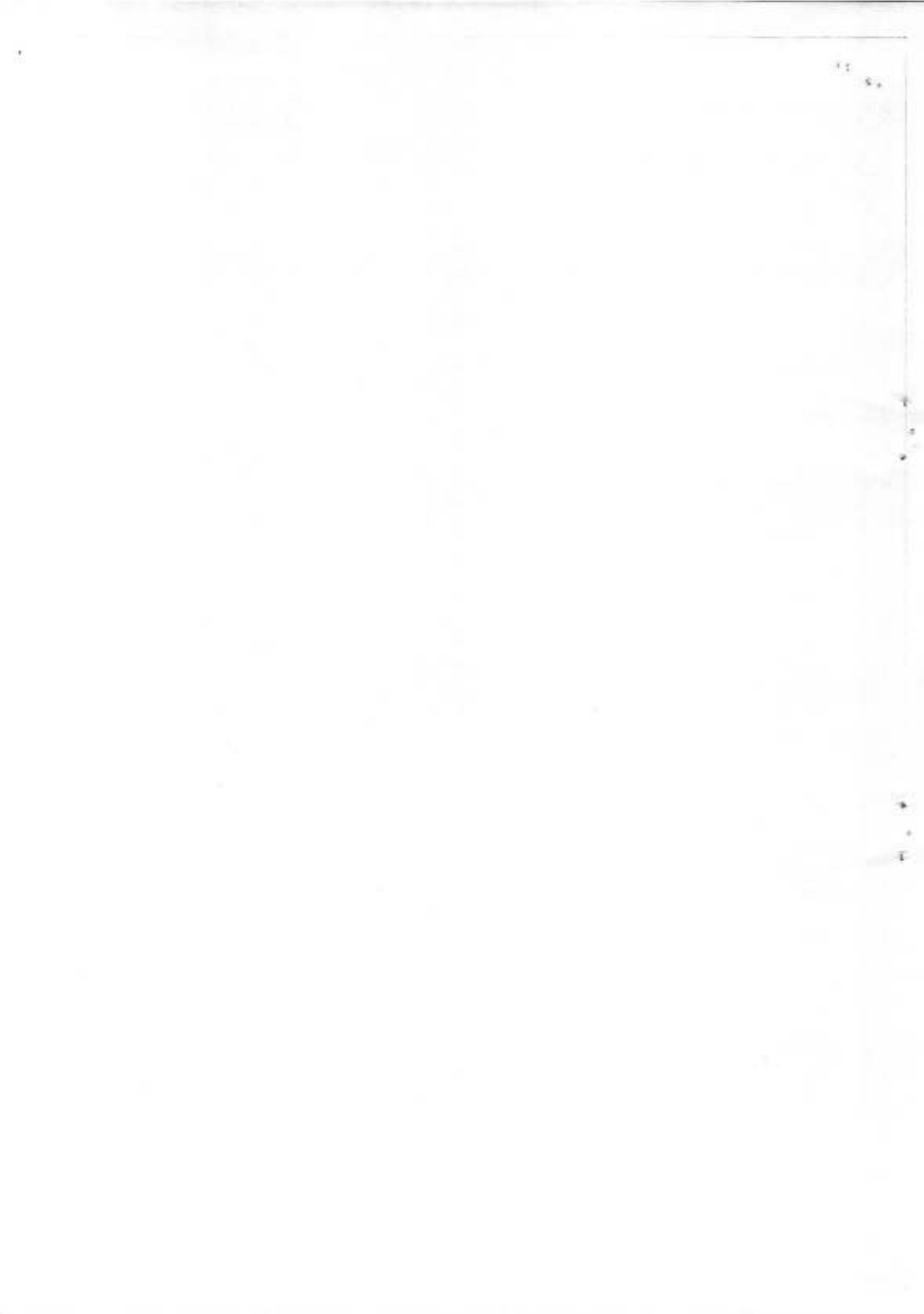
- Giám sát việc trích lập và sử dụng các quỹ của Công ty, việc tuyển dụng, sử dụng, trả lương và các chế độ khác của người lao động.

Trên đây là một số nội dung trong quá trình kiểm tra, giám sát của Ban kiểm soát báo cáo Đại hội cổ đông. Rất mong được sự góp ý chân thành của quý vị đại biểu, quý vị cổ đông nhằm giúp chúng tôi thực hiện tốt nhiệm vụ của mình trong niên độ tới.



TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH 2019

TT	Chi tiêu	ĐVT	NĂM 2019			So Sánh 2018
			KH năm	TH	% HTKH	
1	2	3	4	6	7=6/4	8
A	TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH					
I	KẾ HOẠCH TÀI CHÍNH					
1	Vốn điều lệ	Tỷ VND	42.35	42.35		
2	Tổng doanh thu	Tỷ VND	95	83.1	87%	86.7%
	Doanh thu hoạt động kinh doanh	Tỷ VND		80.3		
	Doanh thu HĐTC	Tỷ VND		2.20		
	TN khác			0.60		
3	Tổng chi phí	Tỷ VND	92	79.69	87%	84.7%
	Giá vốn	Tỷ VND		62.9		
	Chi phí bán hàng	Tỷ VND		1.3		
	Chi phí quản lý	Tỷ VND		13.8		
	Chi phí khác	Tỷ VND		1.69		
4	Lợi nhuận trước thuế TNDN	Tỷ VND	3	3.41	114%	195%
5	LN sau thuế TNDN	Tỷ VND	2.2	2.27	103%	267%
6	Tỷ suất LN sau thuế/ Vốn điều lệ	%	5.2%	5.4%		
7	Tỷ lệ chia cổ tức/ vốn điều lệ năm 2018	%	4.0%			
II	KH CHUẨN BỊ ĐẦU TƯ VÀ MUA SẮM TSCĐ					
a	Chuẩn bị đầu tư	Tỷ VND				
		Tỷ VND				
b	Mua sắm tài sản cố định	Tỷ VND	0.50	0.50		
1	Mua TSCĐ	Tỷ VND				
2	Mua sắm trang thiết bị văn phòng	Tỷ VND	0.50	0.50		
B	CÁC CHỈ SỐ ĐÁNH GIÁ HIỆU QUẢ DN					
1	Khả năng thanh toán					
a	Chỉ số thanh toán nhanh (Tien+PT)/NONH	%		4.53		243%
b	Chỉ số thanh toán hiện thời (TSNH/NONH)	%		3.44		182%
2	Các hệ số về khả năng sinh lời					
a	ROA=LN trước thuế/ Tổng TS	%		4.2%		420%
b	ROE=LN trước thuế/ Vốn chủ sở hữu	%		7.4%		750%
c	LN trước thuế/Doanh thu		3.2%	4.1%		227%
d	LN sau thuế/Doanh thu		2.3%	2.7%		300%
3	Các hệ số về cơ cấu vốn					
a	Hệ số bảo toàn vốn CSH(VCSHCK/VCSHĐK)			103%		104%
b	Vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn			56%		114%
c	Hệ số nợ tài sản (Nợ phải trả/Tổng TS)			45%		88%
d	Hệ số bảo đảm nợ (Vốn CSH/Nợ phải trả)			128%		136%
e	Hệ số nợ vốn chủ (Nợ phải trả /Vốn CSH)			78%		152%
C	TÌNH HÌNH THU NHẬP					
1	Tổng quỹ lương và thu nhập khác	Tr.đ	13,000	14.222	109.4%	107%
2	Số lao động BQ	người	95	81	85.3%	94%
3	Thu nhập bình quân người/tháng	Tr.đ/Ng/th	12.4	14.63	118.0%	114%
4	Năng suất lao động	Tỷ.đ/Ng/th		1.026		



**CÔNG TY CỔ PHẦN
CÔNG NGHỆ THÔNG TIN, VIỄN THÔNG
VÀ TỰ ĐỘNG HOÁ DẦU KHÍ**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 101 /PAIC - BKS
V/v: Lựa chọn đơn vị kiểm toán BCTC năm
2020 của PAIC

Hà nội, ngày 13 tháng 3 năm 2020

Kính gửi: Đại hội Cổ đông Công ty PAIC

Căn cứ vào chức năng nhiệm vụ của Ban kiểm soát được quy định tại điều 165 luật doanh nghiệp và điều 34 của Điều lệ Công ty;

Căn cứ quy chế tổ chức và hoạt động của Ban kiểm soát đã được ĐHCĐ Công ty thông qua ngày 21/8/2009.

Ban kiểm soát kính đề nghị Đại hội cổ đông Công ty PAIC lựa chọn đơn vị kiểm toán BCTC 2020 như sau:

- Hình thức lựa chọn: Chào giá cạnh tranh
- Tiêu chí lựa chọn: Công ty kiểm toán có năng lực, uy tín, kinh nghiệm được BTC cho phép kiểm toán BCTC của các Công ty đại chúng, ưu tiên đơn vị đã từng kiểm toán cho PAIC.

Ban kiểm soát kính đề nghị ĐHCĐ xem xét giao cho BKS tiến hành tổ chức lựa chọn đơn vị kiểm toán BCTC 2020 của PAIC.

Trân trọng./.

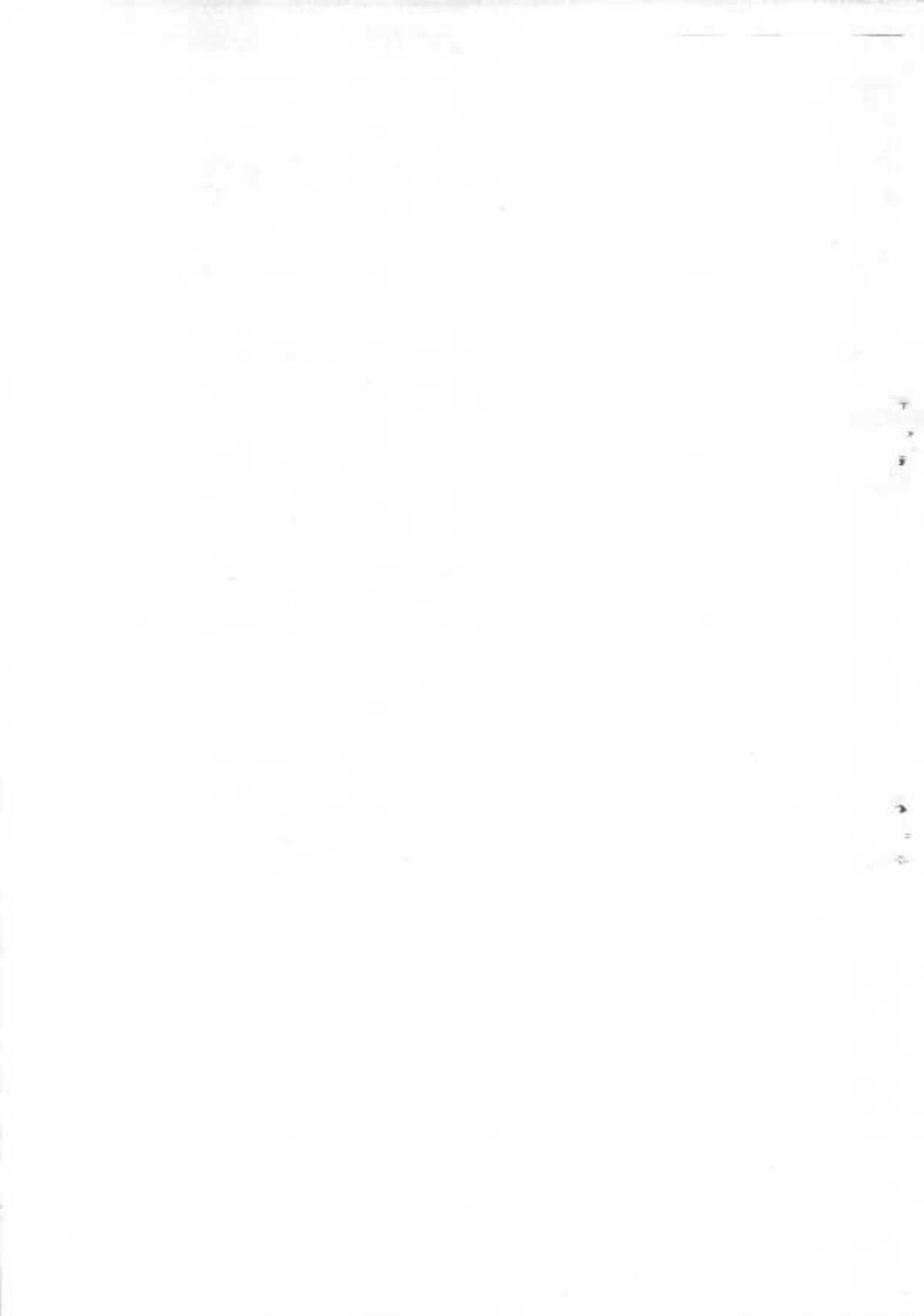
Nơi nhận:

- Như trên
- TV BKS
- Lưu: VT, BKS

T/M BAN KIỂM SOÁT



Vũ Trường Quang



Số:/NQ-PAIC-ĐHĐCĐ

Hà Nội, ngày 22 tháng 04 năm 2020

**DỰ THẢO:
NGHỊ QUYẾT**

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 của Công ty PAIC

**ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ THÔNG TIN, VIỄN THÔNG VÀ TỰ
ĐỘNG HOÁ DẦU KHÍ**

Căn cứ Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Công nghệ thông tin, Viễn thông và Tự động hoá Dầu khí;

Căn cứ Biên bản Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 ngày 22/04/2020 của Công ty CP Công nghệ thông tin, Viễn thông và Tự động hóa Dầu khí.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua Báo cáo tình hình hoạt động năm 2019 và định hướng hoạt động năm 2020 của Hội đồng quản trị Công ty (*Báo cáo số 130/BC-HĐQT ngày 31 tháng 03 năm 2020 của Hội đồng quản trị Công ty*).

Điều 2. Thông qua Báo cáo tình hình hoạt động năm 2019 và kế hoạch hoạt động năm 2020 của Ban kiểm soát Công ty (*Báo cáo ngày 13 tháng 03 năm 2020 của Ban kiểm soát Công ty*).

Điều 3. Thông qua Báo cáo tài chính năm 2019 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán Vaco.

Điều 4. Thông qua Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2019 và kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2020 của Giám đốc Công ty (*Báo cáo số 122/BC-PAIC ngày 26 tháng 03 năm 2020 của Giám đốc Công ty*), cụ thể các chỉ tiêu chính kết quả SXKD năm 2019 và kế hoạch SXKD năm 2020 như sau:

I. Kết quả SXKD năm 2019:

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2019	Thực hiện năm 2019	Tỷ lệ thực hiện so với KH
1	Vốn điều lệ	Tỷ đồng	42,353	42,353	100%
2	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	95,000	83,110	87,48%
3	Lợi nhuận trước thuế TNDN	Tỷ đồng	3,000	3,409	113,60%
4	Lợi nhuận sau thuế TNDN	Tỷ đồng	2,200	2,265	103%

5	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/VĐL	%	5,20	5.35	102,88%
6	Thuế và các khoản phải nộp NSNN	Tỷ đồng	4,500	3,832	85,10%
7	Đầu tư XD CB, mua sắm CCDC	Tỷ đồng	0,500	0,178	35,60%
8	Tỷ lệ chia cổ tức	%	4	4	100%

II. Kế hoạch SXKD năm 2020:

TT	Các chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2020
1	Vốn điều lệ	Tỷ đồng	42,353
2	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	90,000
3	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	4,800
4	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	3,700
5	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/VĐL	%	8,7
6	Thuế và các khoản NSNN	Tỷ đồng	4,500
7	Đầu tư XD CB và mua sắm CCDC	Tỷ đồng	13,843
8	Tỷ lệ chia cổ tức	%	6

Điều 5. Thông qua phương án phân phối lợi nhuận của Công ty năm 2019 theo Tờ trình số 99/TTr-PAIC ngày 13 tháng 03 năm 2020 của Giám đốc Công ty, cụ thể như sau:

STT	Nội dung	ĐVT	Lợi nhuận phân phối năm 2019
I	Lợi nhuận sau thuế lũy kế đến năm 2019	Đồng	2.234.361.877
1	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến hết năm 2018	Đồng	77.104.496
2	Lợi nhuận sau thuế năm 2019	Đồng	2.265.257.381
II	Phân phối lợi nhuận	Đồng	1.920.641.738
1	Quỹ khen thưởng phúc lợi (10% LN ST 2019)	Đồng	226.525.738
2	Chia cổ tức (4% VĐL)	Đồng	1.694.116.000
III	Lợi nhuận chưa phân phối chuyển năm sau	Đồng	421.720.139

Điều 6. Về việc lựa chọn đơn vị kiểm toán của PAIC năm 2020, giao cho Ban kiểm soát Công ty trực tiếp tổ chức chào giá cạnh tranh lựa chọn đơn vị kiểm toán có năng lực, uy tín, kinh nghiệm được Bộ Tài chính cho phép kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty đại chúng, ưu tiên đơn vị đã từng kiểm toán cho PAIC để ký kết hợp đồng kiểm toán cho năm 2020 của Công ty

Điều 7. Thông qua kết quả chi trả thù lao đối với thành viên HĐQT/BKS không chuyên trách, Thư ký HĐQT Công ty năm 2019 và phương án chi trả thù lao cho thành viên HĐQT/BKS không chuyên trách, Thư ký HĐQT năm 2020 của Công ty, cụ thể như sau:

1. Năm 2019

Chức danh	Mức thù lao đã thông qua ĐHĐCĐ năm 2019			Thực hiện (đ)
	Mức thù lao tháng (đ)	Số người	Thành tiền (đ)	
Chủ tịch HĐQT không chuyên trách	3.000.000	1	36.000.000	36.000.000
Thành viên HĐQT không chuyên trách	2.000.000	5	120.000.000	120.000.000
Thành viên BKS không chuyên trách	1.000.000	2	24.000.000	24.000.000
Thư ký HĐQT Công ty	1.000.000	1	12.000.000	12.000.000
Cộng		9	192.000.000	192.000.000

2. Năm 2020

Dự kiến mức chi trả thù lao cho thành viên HĐQT/BKS không chuyên trách, Thư ký HĐQT Công ty như sau:

- Chủ tịch HĐQT không chuyên trách : 3.000.000 đồng/người/tháng
- Thành viên HĐQT không chuyên trách : 2.000.000 đồng/người/tháng
- Thành viên BKS không chuyên trách : 1.000.000 đồng/người/tháng
- Thư ký HĐQT Công ty : 1.000.000 đồng/người/tháng

Thù lao trả cho thành viên HĐQT/BKS không chuyên trách, Thư ký HĐQT Công ty được trả vào cuối mỗi Quý.

Đối với thành viên HĐQT và BKS chuyên trách được trả theo Quy chế trả lương, trả thưởng hiện hành của Công ty.

Điều 8. Thông qua việc miễn nhiệm và bổ nhiệm thành viên Hội đồng quản trị Công ty theo Tờ trình số 104/TTr-HĐQT ngày 16 tháng 03 năm 2020 của Hội đồng quản trị Công ty, cụ thể như sau:

1. Miễn nhiệm ông **Nguyễn Xuân Hưng** thôi giữ chức thành viên HĐQT không chuyên trách Công ty PAIC nhiệm kỳ 2019-2024 theo đề nghị của Công ty Cổ phần Chứng khoán Dầu khí tại Công văn số 1124/CV-CKDK ngày 08 tháng 11 năm 2019.

2. Bổ nhiệm ông **Nguyễn Minh Đức**, sinh ngày 03/04/1984, Người đại diện 501.810 cổ phần (*Năm trăm lẻ một nghìn, tám trăm mười cổ phần*) vốn góp của Công ty Cổ phần Chứng khoán Dầu khí tại PAIC tương đương 11,85% vốn điều lệ của PAIC giữ chức Thành viên Hội đồng quản trị không chuyên trách Công ty PAIC, nhiệm kỳ 2019-2024 thay thế ông **Nguyễn Xuân Hưng**.

Điều 9. Giao cho Hội đồng quản trị Công ty chỉ đạo người điều hành Công ty tổ chức triển khai thực hiện tốt Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020, xem xét tình hình thực tế, nhiệm vụ SXKD để điều chỉnh kế hoạch SXKD năm 2020 cho phù hợp.

Điều 10. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 11. Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Công nghệ thông tin, Viễn thông và Tự động hóa Dầu khí có trách nhiệm thi hành Nghị quyết này.

Nơi nhận:

- Như điều 13;
- UBCKNN, HNX (để b/c);
- Các cổ đông PAIC;
- Website PAIC;
- Các phòng/ban/chi nhánh PAIC;
- Lưu VT, Thư ký HĐQT.

**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỌA ĐẠI HỘI
CHỦ TỊCH HĐQT**

Đỗ Thị Bích Hà